

QUỐC HỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2025/QH15

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tại Điều 1 “Phạm vi điều chỉnh”, cơ bản kế thừa quy định Điều 1 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

Luật này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành bản án, quyết định về hình phạt tù, **hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù**, tử hình, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, trục xuất, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, án treo, tha tù trước thời hạn có điều kiện, hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn, biện pháp tư pháp; quyền, nghĩa vụ của người, pháp nhân thương mại chấp hành án hình sự, biện pháp tư pháp; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành án hình sự, biện pháp tư pháp.

2. Tại Điều 3 “Giải thích từ ngữ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 3 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2a. Thân nhân của người chấp hành án hình sự bao gồm cụ nội, cụ ngoại, ông bà nội, ông bà ngoại; bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, bố mẹ vợ, bố mẹ chồng; vợ, chồng; anh chị em ruột, dâu, rể; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; anh, chị em vợ (hoặc chồng); cô, dì, chú, bác, cậu, cháu ruột; bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi hợp pháp của người chấp hành án hình sự.

4a. Thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù trong thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù.

4b. Thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này quản lý người được tạm

đình chỉ chấp hành án phạt tù trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

25a. Giám sát điện tử là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này gắn thiết bị điện tử lên bộ phận cơ thể của người bị giám sát điện tử để quản lý, theo dõi vị trí của người đó.

25b. Hệ thống máy chủ giám sát điện tử là một tổ hợp phần cứng và phần mềm được thiết kế để đảm bảo hoạt động của hệ thống nhận, xử lý, lưu trữ và truyền thông tin từ thiết bị giám sát điện tử.

3. Tại Điều 4 “Nguyên tắc thi hành án hình”, cơ bản kế thừa quy định Điều 4 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

9. Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác thi hành án hình sự.

Chương II

HỆ THỐNG TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

4. Tại Điều 12 “Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an”, cơ bản kế thừa quy định Điều 12 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thi hành pháp luật về thi hành án hình sự;
b) Chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự;

c) Tổng kết công tác thi hành án hình sự.

2. Kiểm tra công tác thi hành án hình sự.

3. Quyết định đưa người chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án, đưa người dưới 18 tuổi vào trường giáo dưỡng.

3a. Quyết định điều chuyển phạm nhân giữa các cơ sở giam giữ thuộc Bộ Công an.

4. Trực tiếp quản lý trại giam, trường giáo dưỡng thuộc Bộ Công an.

5. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này và Luật Tố cáo.

7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và nhiệm vụ, quyền hạn do Bộ trưởng Bộ Công an giao.

5. Tại Điều 13 “Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng”, cơ bản kế thừa quy định Điều 13 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Tổ chức thi hành pháp luật về thi hành án hình sự;
 - b) Chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự trong quân đội;
 - c) Tổng kết công tác thi hành án hình sự trong quân đội.
2. Kiểm tra công tác thi hành án hình sự trong quân đội.
3. Quyết định đưa người chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án.

3a. Quyết định điều chuyển phạm nhân giữa các cơ sở giam giữ thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Trực tiếp quản lý trại giam thuộc Bộ Quốc phòng.
5. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo.
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này và Luật Tố cáo.
7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và nhiệm vụ, quyền hạn do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao.

6. Tại Điều 16 “Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện”, cơ bản kế thừa quy định Điều 16 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Giúp Trưởng Công an cấp huyện quản lý, chỉ đạo công tác thi hành án hình sự trên địa bàn cấp huyện:

a) Hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi hành án hình sự theo thẩm quyền đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; chỉ đạo, kiểm tra Công an cấp xã trong việc giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ thi hành án hình sự theo quy định của Luật này;

b) Thực hiện thống kê, báo cáo theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

2. Tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án, các tài liệu có liên quan, lập hồ sơ và tổ chức thi hành án đối với người chấp hành án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân, quản chế; tổ chức quản lý người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

3. Lập hồ sơ và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện cho phạm nhân đang chấp hành án tại nhà tạm giữ, rút ngắn thời gian thử thách cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

4. Áp giải thi hành án đối với người bị kết án phạt tù đang được tạm giam, được hoãn, tạm đình chỉ, người bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, người bị Tòa án hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

5. Trực tiếp quản lý số phạm nhân phục vụ việc tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ.

6. Tổng đạt quyết định thi hành án cho người bị kết án phạt tù đang ở nhà tạm giữ và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

7. Lập hồ sơ và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để đề nghị cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người bị kết án phạt tù đang ở nhà tạm giữ, người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án, người bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, người bị Tòa án hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đi chấp hành án.

8. Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, buộc người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ và buộc người đó phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành, rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo, giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, miễn chấp hành thời hạn còn lại đối với người chấp hành án phạt quản chế, cấm cư trú.

9. ***Ra quyết định truy nã và tổ chức truy bắt người chấp hành án hình sự tại cộng đồng bỏ trốn***; quyết định trích xuất hoặc thực hiện lệnh trích xuất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

10. Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt theo thẩm quyền.

11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này và Luật Tố cáo.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

7. Tại Điều 17 “Nhiệm vụ, quyền hạn của trại giam”, cơ bản kế thừa quy định Điều 17 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trại giam là cơ quan thi hành án phạt tù có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân;

b) Thông báo cho thân nhân của phạm nhân về việc tiếp nhận phạm nhân và tình hình chấp hành án của người đó;

c) Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với phạm nhân theo quy định của pháp luật;

- d) Thực hiện lệnh trích xuất của cơ quan, người có thẩm quyền;
- đ) Nhận tài sản, tiền mà phạm nhân, thân nhân của phạm nhân tự nguyện nộp tại trại giam để thi hành án, chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự nơi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có trụ sở hoặc cơ quan thi hành án dân sự được ủy thác thi hành án; nhận tài sản, tiền do cơ quan thi hành án dân sự chuyển đến để giao cho phạm nhân theo quy định của Luật Thi hành án dân sự;
- e) Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc cung cấp thông tin về nơi chấp hành án phạt tù và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của phạm nhân, thông tin nơi về cư trú của người chấp hành xong án phạt tù, người được đặc xá, người được miễn chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; chuyển giao giấy tờ có liên quan đến phạm nhân phải thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, các nghĩa vụ dân sự;
- g) Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện;
- h) Làm thủ tục giải quyết trường hợp phạm nhân chết;
- i) Áp giải, bàn giao phạm nhân là người nước ngoài theo quyết định của Tòa án về việc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; tiếp nhận, tổ chức quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân là công dân Việt Nam phạm tội và bị kết án phạt tù ở nước ngoài được chuyển giao về Việt Nam để chấp hành án; thực hiện các quy định của Luật này về thi hành án phạt trục xuất;
- k) Thực hiện thông kê, báo cáo về thi hành án phạt tù;
- l) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
2. Giám thị trại giam có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
- a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trại giam theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Ra quyết định phân loại và tổ chức giam giữ phạm nhân theo loại; quyết định xếp loại chấp hành án phạt tù, quyết định nâng, hạ loại phạm nhân, quyết định công nhận phạm nhân vi phạm kỷ luật đã tiến bộ, quyết định một số biện pháp điều tra ban đầu theo quy định của pháp luật, quyết định đình nã khi bắt được phạm nhân trốn trại giam; quyết định khen thưởng, kỷ luật phạm nhân;
- c) Quyết định kiểm tra, thu giữ, xử lý đồ vật, tài liệu thuộc danh mục cấm;
- d) Quyết định trích xuất phạm nhân phục vụ yêu cầu khám bệnh, chữa bệnh, quản lý, lao động, học tập; phạm nhân đến khu điều trị tại bệnh viện để phục vụ phạm nhân bị bệnh nặng không tự phục vụ bản thân được, phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam phải đưa đi **khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài trại giam, trại tạm giam, tiêm chủng**;
- đ) Ra quyết định truy nã và phối hợp tổ chức truy bắt kịp thời phạm nhân trốn trại giam.

3. Phó Giám thị trại giam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Giám thị theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám thị và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc được giao.

8. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 17a. Tổ chức của trại giam

1. Tổ chức bộ máy quản lý của trại giam

a) Tổ chức bộ máy quản lý của trại giam gồm có Giám thị, Phó Giám thị, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan; chiến sĩ và công nhân Công an, công nhân viên Quốc phòng;

b) Giám thị, Phó Giám thị, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng phải là người có trình độ đại học trở lên và bảo đảm các tiêu chuẩn khác theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

2. Tổ chức của Trại giam

a) Trung tâm chỉ huy điều hành.

b) Phân trại giam

Phân trại giam thuộc trại giam có nhiệm vụ tổ chức quản lý, giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân theo đúng đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

c) Khu giam giữ thuộc phân trại giam, gồm:

Khu giam giữ đối với phạm nhân có mức án tù trên 15 năm, tù chung thân, phạm nhân thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm;

Khu giam giữ đối với phạm nhân có mức án tù từ 15 năm trở xuống; phạm nhân có mức án tù trên 15 năm đã được giảm án và thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại dưới 15 năm; phạm nhân thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đã chấp hành một phần hai thời hạn chấp hành án phạt tù và đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

d) Nhà giam thuộc khu giam giữ

Nhà giam chung gồm các buồng giam, mỗi buồng giam giữ không quá 80 phạm nhân;

Nhà giam riêng gồm các buồng giam, mỗi buồng giam giữ không quá 08 phạm nhân;

Nhà kỷ luật gồm các buồng giam, mỗi buồng giam giữ không quá 02 phạm nhân bị kỷ luật.

đ) Các công trình phục vụ, gồm:

Công trình phục vụ việc quản lý giam giữ, hoạt động tổ tụng hình sự, dân sự; phòng xét xử trực tuyến;

Công trình phục vụ lao động, học tập, sinh hoạt, chăm sóc y tế; giáo dục cải tạo, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân;

Công trình phục vụ làm việc, học tập, sinh hoạt và các điều kiện khác cho sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân Công an, công nhân viên Quốc phòng công tác tại trại giam;

Hệ thống kiểm soát an ninh, an toàn của trại giam và các hệ thống khác phục vụ công tác quản lý cơ sở giam giữ.

e) Khu lao động, dạy nghề có nhiệm vụ tổ chức quản lý, giam giữ, giáo dục, lao động, dạy nghề cho phạm nhân theo đúng quy định của pháp luật, gồm:

Khu lao động, dạy nghề cho phạm nhân do trại giam đầu tư xây dựng, trực tiếp quản lý;

Khu lao động, dạy nghề cho phạm nhân do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trong khu vực đất do trại giam quản lý và bàn giao cho trại giam tiếp quản, quản lý, sử dụng trong thời gian hợp tác.

g) Khu lao động, dạy nghề có các hạng mục công trình sau:

Nhà giam giữ phạm nhân được xây dựng kiên cố, chắc chắn đảm bảo an ninh, an toàn theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

Công trình phục vụ học tập, sinh hoạt, chăm sóc y tế; giáo dục, lao động, dạy nghề cho phạm nhân;

Công trình phục vụ làm việc, học tập, sinh hoạt và các điều kiện khác cho sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân Công an, công nhân viên quốc phòng công tác tại khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề.

h) Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của khu lao động, dạy nghề; quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, quản lý của khu lao động, dạy nghề quy định tại điểm e và điểm g khoản 2 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của trại giam; quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, quản lý trại giam, phân trại giam trong trại giam; ban hành danh mục, định mức xây dựng các hạng mục công trình trại giam, hệ thống kiểm soát an ninh và các hệ thống khác phục vụ quản lý cơ sở giam giữ của trại giam thuộc Bộ Công an quản lý.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của trại giam; quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, quản lý trại giam, phân trại giam trong trại giam; ban hành danh mục, định mức xây dựng các hạng mục công trình trại giam, hệ thống kiểm soát an ninh và các hệ thống khác phục vụ quản lý cơ sở giam giữ của trại giam thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

9. Tại Điều 18 “Nhiệm vụ, quyền hạn của trại tạm giam trong thi hành án hình sự”, cơ bản kế thừa quy định Điều 18 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trực tiếp quản lý, giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân chấp hành án tại trại tạm giam theo quy định của Luật này.

2. Lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện cho phạm nhân.

3. Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện cho phạm nhân chấp hành án tại trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng.

3a. Quyết định trích xuất phạm nhân phục vụ yêu cầu khám bệnh, chữa bệnh, quản lý, lao động, học tập; phạm nhân đến khu điều trị tại bệnh viện để phục vụ phạm nhân bị bệnh nặng không tự phục vụ bản thân được, phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam phải đưa đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài trại giam, trại tạm giam, tiêm chủng.

4. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

10. Tại Điều 19 “Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thi hành án”, cơ bản kế thừa quy định Điều 19 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân; quản lý người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế.

1a. Trường hợp người chấp hành án chết, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú hoặc nơi người chấp hành án chết có trách nhiệm phối hợp cơ quan thực hiện thủ tục khai tử để thực hiện khai tử đối với người chấp hành án; gửi trích lục khai tử cho cơ quan thực hiện thủ tục khai tử.

2. Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Công an cấp xã) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III

THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ

Mục 1. THỦ TỤC THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ VÀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ GIAM GIỮ, GIÁO DỤC PHẠM NHÂN

11. Tại Điều 25 “Thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù”, cơ bản kế thừa quy định Điều 25 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Khi nhận được quyết định hoãn chấp hành án phạt tù của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải ngừng việc làm thủ tục đưa người chấp hành án phạt tù đi chấp hành án, sao gửi quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hoãn chấp hành án cư trú hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý người đó và lập hồ sơ thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải triệu tập người được hoãn chấp hành án đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc đơn vị quân đội đang quản lý người đó để thông báo quyết định và yêu cầu người đó cam kết bằng văn bản chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Người được hoãn chấp hành án phạt tù phải có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp người được hoãn chấp hành án phạt tù không cam kết thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản và thông báo cho Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù để xử lý theo thẩm quyền.

Trường hợp người được hoãn chấp hành án không có mặt theo yêu cầu triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội để xác minh và yêu cầu họ có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội để làm thủ tục thông báo và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

Trường hợp người được hoãn chấp hành án vì lý do bệnh nặng đang điều trị tại bệnh viện hoặc tại nhà mà không thể có mặt theo yêu cầu triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội và bệnh viện nơi điều trị, gia đình người được hoãn để làm thủ tục thông báo và cam kết chấp hành pháp luật.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phải lập hồ sơ quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù.

Hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù phải báo cáo cơ quan thi hành án hình sự

Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc quản lý người được hoãn chấp hành án.

Người được hoãn chấp hành án không được đi khỏi nơi cư trú trong thời gian được hoãn chấp hành án nếu không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội và phải có mặt theo yêu cầu triệu tập của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án.

Việc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc của người được hoãn chấp hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Trường hợp người được hoãn chấp hành án vì lý do bệnh nặng đang điều trị tại bệnh viện ngoài nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội có trách nhiệm phối hợp với gia đình để quản lý người đó.

4. Trong thời gian được hoãn chấp hành án mà người được hoãn chấp hành án phạt tù lại thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để đề nghị Chánh án Tòa án có thẩm quyền xem xét ra quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan được quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này. Ngay sau khi nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tổ chức thi hành án.

Trường hợp người được hoãn chấp hành án bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra quyết định truy nã và tổ chức truy bắt.

5. Trong thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù mà người được hoãn chấp hành án chết thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phải báo cáo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù ra quyết định đình chỉ thi hành án và giải quyết các thủ tục có liên quan.

6. Chậm nhất 07 ngày trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án đã quyết định hoãn chấp hành án phạt tù phải thông báo bằng văn bản về việc hết thời hạn hoãn và gửi ngay cho cá nhân, cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù mà người được hoãn không có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để chấp hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra quyết định áp giải thi hành án trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

7. Đối với người được hoãn chấp hành án phạt tù vì lý do bị bệnh nặng, nếu xét thấy có dấu hiệu phục hồi sức khỏe mà vẫn lấy lý do về sức khỏe để trốn tránh việc chấp hành án hoặc người được hoãn chấp hành án phạt tù có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hoãn chấp hành án phạt tù cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đơn vị quân đội được giao quản lý ***người đó phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị người đó, bệnh viện cấp quân khu để thực hiện trung cầu giám định y khoa hoặc trung cầu giám định pháp y tâm thần tại tổ chức giám định pháp y tâm thần có thẩm quyền.***

Trường hợp kết quả giám định xác định người được hoãn chấp hành án đã phục hồi sức khỏe thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện việc đưa người đó đến nơi chấp hành án và thông báo cho Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án.

Trường hợp kết quả giám định xác định người đó mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đề nghị Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án đề ra quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án và áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh.

Trường hợp hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù đối với người đang được hoãn chấp hành án phạt tù do bệnh nặng mà bệnh án hoặc kết luận giám định y khoa của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị, bệnh viện cấp quân khu xác định sức khỏe của họ chưa phục hồi, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi họ về cư trú, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đơn vị được giao quản lý người đó thông báo bằng văn bản cho Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù xem xét, quyết định việc có tiếp tục cho họ được hoãn chấp hành án phạt tù hay không. Các tài liệu gửi kèm theo văn bản của Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu gồm: đơn xin tiếp tục được hoãn chấp hành án phạt tù của người được hoãn hoặc thân nhân của họ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù; bản sao bệnh án hoặc kết luận giám định y khoa xác định tình trạng sức khỏe của người được hoãn chấp hành án phạt tù chưa phục hồi.

Chi phí giám định do cơ quan trung cầu giám định chi trả.

12. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 25a. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội trong quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) *Lập hồ sơ, tổ chức quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù; bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền theo quy định của Luật này;*

b) *Yêu cầu người được hoãn chấp hành án phạt tù thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;*

c) *Giải quyết cho người được hoãn chấp hành án phạt tù được thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;*

d) *Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người được hoãn chấp hành án phạt tù cư trú trong việc quản lý người đó;*

đ) *Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền huỷ quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong trường hợp người đó lại thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

e) *Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện khi người được hoãn chấp hành án phạt tù chết, bỏ trốn, vắng mặt, thay đổi nơi cư trú khi chưa được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã;*

g) *Hàng tháng báo cáo Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện về việc quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù.*

2. *Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.*

3. *Đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*

a) *Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;*

b) *Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền huỷ quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong trường hợp người đó lại thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

c) *Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu khi người được hoãn chấp hành án phạt tù chết, bỏ trốn, vắng mặt, thay đổi nơi cư trú khi chưa được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã;*

d) *Hàng tháng báo cáo Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù.*

13. **Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019**

Điều 25b. Nghĩa vụ của người được hoãn chấp hành án phạt tù

1. Có mặt theo giấy triệu tập và cam kết bằng văn bản về việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, làm việc.

3. Chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cư trú, làm việc.

4. Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được quản lý, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

5. Báo cáo về tình hình chấp hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý.

6. Tự giác trình báo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu khi hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù hoặc khi sức khỏe hồi phục để tiếp tục chấp hành án.

14. Tại Điều 27 “Quyền và nghĩa vụ của phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 27 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân có các quyền sau đây:

a) Được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tôn trọng danh dự, nhân phẩm; được phổ biến quyền và nghĩa vụ của mình, nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân;

a1) Phạm nhân có quyền được hiến mô, một phần bộ phận cơ thể, được hưởng chế độ, chính sách theo quy định pháp luật về hiến mô, bộ phận cơ thể người;

a2) Phạm nhân chấp hành bản án chung thân hoặc tù có thời hạn từ 01 năm trở lên được tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách Nhà nước đóng. Trường hợp phạm nhân đã tham gia bảo hiểm y tế trước khi có Quyết định thi hành án phạt tù thì được tiếp tục tham gia bảo hiểm y tế, khi hết thời hạn tham gia bảo hiểm y tế này mà thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại từ 01 năm trở lên hoặc chung thân thì được tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách Nhà nước đóng;

b) Được bảo đảm chế độ ăn, ở, mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chăm sóc y tế theo quy định; gửi, nhận thư, nhận quà, tiền; đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án;

c) Được tham gia hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ;

d) Được lao động, học tập, học nghề;

đ) Được gặp, liên lạc với thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân; đối với phạm nhân là người nước ngoài được thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự;

e) Được tự mình hoặc thông qua người đại diện để thực hiện giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật;

g) Được bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo; được đề nghị xét đặc xá, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

h) Được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hưởng chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

i) Được sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật;

k) Được khen thưởng khi có thành tích trong quá trình chấp hành án.

2. Phạm nhân có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự trong quá trình thi hành án hình sự và các quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chấp hành nội quy của cơ sở giam giữ phạm nhân, các tiêu chuẩn thi đua chấp hành án;

c) Chấp hành yêu cầu, mệnh lệnh, hướng dẫn của cán bộ cơ sở giam giữ phạm nhân;

d) Lao động, học tập, học nghề theo quy định;

đ) Phạm nhân làm hư hỏng, làm mất hoặc hủy hoại tài sản của người khác thì phải bồi thường.

3. Phạm nhân có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

15. Tại Điều 28 “Tiếp nhận người chấp hành án phạt tù”, cơ bản kế thừa quy định Điều 28 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện được chỉ định thi hành án phải tiếp nhận người chấp hành án phạt tù khi có đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này.

2. Khi tiếp nhận người chấp hành án phạt tù, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

a) Kiểm tra thông tin để xác định đúng người chấp hành án phạt tù theo quyết định thi hành án của Tòa án;

b) Lập biên bản giao nhận người chấp hành án phạt tù; biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu;

c) Kiểm tra người chấp hành án phạt tù; kiểm tra và xử lý đồ vật mang theo trước khi đưa vào buồng giam;

d) Tổ chức khám sức khỏe cho người chấp hành án phạt tù và trẻ em dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam (nếu có);

d1) Thu thập thông tin sinh trắc học của phạm nhân trong trường hợp chưa có thông tin;

đ) Giải thích quyền, nghĩa vụ của phạm nhân; phổ biến nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân.

3. Cơ quan tiếp nhận phổ biến cho phạm nhân thực hiện các quy định sau đây:

a) Chỉ được đưa vào buồng giam những đồ dùng theo quy định; trường hợp có tư trang chưa dùng đến, có tiền, giấy tờ có giá, các loại thẻ thanh toán bằng hình thức điện tử, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý thì phải gửi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quản lý; trường hợp phạm nhân có nhu cầu được chuyển số tiền, đồ dùng, tư trang cho thân nhân hoặc người đại diện và tự chịu chi phí thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm thực hiện việc chuyển hoặc giao trực tiếp cho thân nhân hoặc người đại diện của phạm nhân tại nơi chấp hành án;

b) Không được sử dụng tiền, giấy tờ có giá tại nơi chấp hành án. Việc phạm nhân mua lương thực, thực phẩm và các hàng hóa khác để phục vụ đời sống, sinh hoạt tại nơi chấp hành án được thực hiện bằng hình thức mua qua sổ lưu ký;

c) Không được đưa vào nơi chấp hành án đồ vật thuộc danh mục cấm do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận người chấp hành án, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, thân nhân của người chấp hành án phạt tù biết và báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự.

16. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 31a. Điều chuyển phạm nhân

Căn cứ vào tính chất của tội phạm, mức hình phạt, đặc điểm nhân thân của phạm nhân, kết quả chấp hành án, nguyện vọng của thân nhân của phạm nhân và quy mô, lưu lượng giam giữ, thực trạng cơ sở giam giữ phạm nhân, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định điều chuyển phạm nhân đến cơ sở giam giữ khác.

17. Tại Điều 32 “Chế độ lao động của phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 32 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân được tổ chức lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe và đáp ứng yêu cầu quản lý, giáo dục, hòa nhập cộng đồng. Phạm nhân lao động phải dưới sự giám sát, quản lý của trại giam, trại tạm giam. Thời giờ lao động của phạm nhân không quá 08 giờ trong 01 ngày và 05 ngày trong 01 tuần, được nghỉ vào các ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật. Trường hợp đột xuất hoặc thời vụ, Giám thị trại giam có thể yêu cầu phạm nhân làm thêm giờ nhưng không được vượt quá tổng số giờ làm thêm trong ngày theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp phạm nhân lao động thêm giờ hoặc lao động trong ngày nghỉ thì được nghỉ bù hoặc được bồi dưỡng bằng tiền, hiện vật.

Trại giam phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho phạm nhân.

2. Phạm nhân nữ được bố trí làm công việc phù hợp với giới tính; không được bố trí làm công việc không sử dụng lao động nữ theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Phạm nhân bị bệnh hoặc có nhược điểm về thể chất, tâm thần thì tùy mức độ, tính chất của bệnh và trên cơ sở chỉ định của y tế trại giam, trại tạm giam được miễn hoặc giảm thời gian lao động, **giảm chỉ tiêu, định mức lao động**.

4. Phạm nhân được nghỉ lao động trong các trường hợp sau đây:

a) Phạm nhân bị bệnh, không đủ sức khỏe lao động và được y tế trại giam xác nhận;

b) Phạm nhân đang điều trị tại cơ sở y tế;

c) Phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng mẹ trong trại giam mà bị bệnh, được y tế trại giam xác nhận;

d) Phạm nhân nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của pháp luật về lao động;

d1) Phạm nhân thực hiện các chế độ học tập, học nghề, chế độ gặp thân nhân, thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự và chế độ liên lạc.

18. Tại Điều 33 “Tổ chức lao động cho phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 33 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Căn cứ vào độ tuổi, sức khỏe, giới tính, mức án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của phạm nhân; điều kiện đất đai, tài nguyên, ngành, nghề, trang thiết bị, phương tiện, vật tư, nguồn vốn mà trại giam đang quản lý và điều kiện cụ thể của trại giam; khả năng hợp tác với tổ chức, cá nhân để tổ chức lao động cho phạm nhân, Giám thị trại giam lập kế hoạch tổ chức lao động cho phạm nhân trong năm, gửi cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng để phê duyệt.

2. Kế hoạch tổ chức lao động cho phạm nhân hằng năm phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tổng số phạm nhân, trong đó có số lượng phạm nhân đủ điều kiện lao động theo quy định của pháp luật;

a1) Dự kiến chỉ tiêu, định mức lao động cho phạm nhân căn cứ theo tiêu chí, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Dự kiến chi phí cho lao động; trích khấu hao tài sản cố định;

c) Dự kiến kết quả lao động của phạm nhân; chênh lệch thu, chi trong tổ chức lao động của phạm nhân;

d) Dự kiến, đề xuất kế hoạch sử dụng kết quả lao động của phạm nhân.

3. Trại giam tổ chức lao động cho phạm nhân theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

19. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 33a. Tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam

1. Nguyên tắc việc tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam

a) Bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình tổ chức hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam; phục vụ hiệu quả công tác giáo dục cải tạo, tái hòa nhập cộng đồng cho phạm nhân; tạo điều kiện giúp phạm nhân tìm kiếm việc làm sau khi chấp hành xong án phạt tù;

b) Phạm nhân tham gia hoạt động lao động, hướng nghiệp, học nghề ngoài trại giam phải trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, được trả một phần công lao động tương xứng và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự;

c) Thu nhập của tổ chức hợp tác với trại giam từ kết quả lao động, hướng nghiệp, học nghề của phạm nhân ngoài trại giam trong thời gian thí điểm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp;

d) Ngành, nghề tổ chức hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam là ngành, nghề sản xuất hàng hóa tiêu thụ trong nước theo quy định của pháp luật.

2. Trại giam chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hợp tác giữa trại giam với tổ chức trong nước, trực tiếp quản lý, giám sát khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề ngoài trại giam, quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo và tổ chức hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân như trong trại giam.

Kế hoạch hợp tác giữa trại giam với tổ chức trong nước do Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phê duyệt.

3. Tổ chức hợp tác với trại giam chịu trách nhiệm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề, bàn giao cho trại giam quản lý và phối hợp với trại giam thực hiện tổ chức hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam.

4. Không đưa ra khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề ngoài trại giam những phạm nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Phạm nhân phạm một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia, phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;

b) Phạm nhân đã bị kết án từ 02 lần trở lên;

c) Phạm nhân thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm;

- d) Phạm nhân thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;*
- đ) Phạm nhân phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc là người tổ chức, chủ mưu trong vụ án đồng phạm về tội đặc biệt nghiêm trọng;*
- e) Phạm nhân có thời gian chấp hành án phạt tù còn lại trên 07 năm;*
- g) Phạm nhân là người nước ngoài;*
- h) Phạm nhân đang mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;*
- i) Phạm nhân dưới 18 tuổi;*
- k) Phạm nhân từ đủ 60 tuổi trở lên;*
- l) Phạm nhân đang xếp loại chấp hành án phạt tù loại “Kém”;*
- m) Phạm nhân đã có hành vi trốn khỏi cơ sở giam giữ hoặc trốn khỏi cơ sở giáo dục bắt buộc;*
- n) Phạm nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 và 4 Điều 32 của Luật này.*

5. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi có trại giam trực tiếp kiểm sát việc thi hành án phạt tù tại khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với trại giam trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

20. Tại Điều 34 “Sử dụng kết quả lao động của phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 34 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Kết quả lao động của phạm nhân sau khi trừ các chi phí hợp lý được sử dụng như sau:

- a) Bổ sung mức ăn cho phạm nhân;
- b) Lập Quỹ hòa nhập cộng đồng để chi hỗ trợ cho phạm nhân khi chấp hành xong án phạt tù;
- c) Bổ sung vào Quỹ phúc lợi để chi hỗ trợ cho phạm nhân tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; hỗ trợ phạm nhân khi bị bệnh, gặp rủi ro, khi điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với mức hỗ trợ tối đa; hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ của trại giam khi bị bệnh, gặp rủi ro, tai nạn khi đang thi hành công vụ;*

c1) Bổ sung Quỹ khen thưởng của trại giam để chi thưởng cho phạm nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình chấp hành án;

d) Chi hỗ trợ đầu tư trở lại cho trại giam phục vụ việc tổ chức lao động, giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân; nâng cao tay nghề cho phạm nhân chuẩn bị chấp hành xong án phạt tù;

đ) Chi trả một phần công lao động *tương xứng* cho phạm nhân trực tiếp tham gia lao động sản xuất; chi hỗ trợ cho phạm nhân bị tai nạn lao động.

2. Phạm nhân được sử dụng theo quy định số tiền thưởng quy định tại điểm c1 khoản 1 Điều này và số tiền được nhận quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này hoặc gửi trại giam quản lý và được nhận lại khi chấp hành xong án phạt tù.

2a. Trường hợp phạm nhân lao động vượt chỉ tiêu, định mức theo Kế hoạch tổ chức lao động hàng năm thì được sử dụng toàn bộ số tiền công lao động vượt chỉ tiêu, định mức này theo quy định khoản 2 Điều này.

3. Việc thu, chi từ hoạt động lao động, học nghề của phạm nhân được thực hiện như sau:

a) Trại giam mở sổ sách kế toán và việc ghi chép, hạch toán nghiệp vụ thu, chi tài chính phát sinh, báo cáo tài chính thực hiện theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Mọi khoản thu, chi từ hoạt động lao động, học nghề của phạm nhân được phản ánh qua hệ thống sổ sách tài vụ - kế toán của trại giam;

b) Trại giam tập hợp đầy đủ các chi phí quy định tại khoản 1 Điều này vào giá thành sản phẩm;

c) Báo cáo kết quả thu, chi từ hoạt động lao động của phạm nhân trong các trại giam là báo cáo tổng hợp về số liệu, tình hình và kết quả thu, chi từ hoạt động tổ chức lao động cho phạm nhân. Giám thị trại giam chịu trách nhiệm lập báo cáo tổng hợp và báo cáo thuyết minh chi tiết về kết quả thu, chi từ hoạt động lao động của phạm nhân gửi cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

d) Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt báo cáo kết quả thu, chi từ hoạt động lao động của phạm nhân và báo cáo cơ quan quản lý tài chính của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

21. Tại Điều 35 “Xếp loại chấp hành án phạt tù”, cơ bản kế thừa quy định Điều 35 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân được nhận xét, đánh giá kết quả chấp hành án phạt tù theo tuần, tháng, quý, 06 tháng, 01 năm. Việc nhận xét, đánh giá phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, dân chủ và bảo đảm tính liên tục.

2. Căn cứ kết quả thực hiện các **điều kiện, tiêu chuẩn thi đua xếp loại chấp hành án phạt tù**, nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân, học tập, lao động cải tạo, kết quả khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra để nhận xét, đánh giá và xếp loại chấp hành án phạt tù cho phạm nhân theo một trong các mức tốt, khá, trung bình, kém.

3. Kết quả xếp loại chấp hành án phạt tù theo **tháng**, quý, 06 tháng, 01 năm phải bằng văn bản, được lưu hồ sơ phạm nhân. Phạm nhân lập công thì được nâng mức xếp loại chấp hành án phạt tù.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

22. Tại Điều 37 “Thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù”, cơ bản kế thừa quy định Điều 37 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Ngay sau khi ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây:

a) Người được tạm đình chỉ và người đại diện trong trường hợp người được tạm đình chỉ là người dưới 18 tuổi;

b) Cơ quan đề nghị tạm đình chỉ, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tạm đình chỉ đang chấp hành án;

c) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được tạm đình chỉ về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó;

d) Viện kiểm sát cùng cấp;

đ) Tòa án đã ra quyết định thi hành án;

e) Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ có trụ sở;

g) Bộ Ngoại giao trong trường hợp người được tạm đình chỉ là người nước ngoài.

2. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định tạm đình chỉ thi hành án phạt tù thì phải gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Viện kiểm sát đã ra quyết định có trụ sở và cá nhân, cơ quan quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 1 Điều này.

3. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đang quản lý người được tạm đình chỉ tổ chức giao người được tạm đình chỉ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó; thân nhân của người được tạm đình chỉ có trách nhiệm tiếp nhận người được tạm đình chỉ.

Trường hợp người được tạm đình chỉ bị bệnh nặng đang phải điều trị tại bệnh viện thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện giao người được tạm đình chỉ cho thân nhân người đó tại bệnh viện, lập

biên bản giao người, thông báo và gửi biên bản giao người cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu được giao quản lý có trách nhiệm phối hợp với thân nhân của người đó để theo dõi, quản lý người được tạm đình chỉ trong thời gian người đó điều trị tại bệnh viện. Trường hợp người được tạm đình chỉ xuất viện thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu được giao quản lý giao người được tạm đình chỉ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người được tạm đình chỉ về cư trú có trách nhiệm lập hồ sơ thi hành quyết định tạm đình chỉ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao người được tạm đình chỉ hoặc biên bản giao người được tạm đình chỉ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được tạm đình chỉ về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người được tạm đình chỉ có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý người được tạm đình chỉ.

Trong thời gian tạm đình chỉ, người được tạm đình chỉ không được đi khỏi nơi cư trú nếu không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý; báo cáo về tình hình chấp hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý; phải tự giác trình báo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu khi hết thời hạn tạm đình chỉ hoặc khi sức khỏe hồi phục để tiếp tục chấp hành án.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người được tạm đình chỉ có trách nhiệm theo dõi, giám sát người được tạm đình chỉ, xem xét, giải quyết cho người đó được đi khỏi nơi cư trú, nơi làm việc; triệu tập người được tạm đình chỉ để yêu cầu báo cáo việc chấp hành pháp luật trong thời gian tạm đình chỉ; hằng tháng phải báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc quản lý người được tạm đình chỉ.

4b. Việc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc của người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật này.

5. Việc tiếp tục thi hành án đối với người được tạm đình chỉ thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 07 ngày trước khi hết thời hạn tạm đình chỉ, Chánh án Tòa án đã quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù phải thông báo bằng văn bản và gửi ngay thông báo đó cho cá nhân, cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù mà người được tạm đình chỉ không có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để chấp hành án thì Thủ

trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra quyết định áp giải thi hành án, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan;

b) Đối với người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù vì lý do bị bệnh nặng, nếu xét thấy có dấu hiệu phục hồi sức khỏe mà vẫn lấy lý do về sức khỏe để trốn tránh việc chấp hành án hoặc người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đơn vị quân đội được giao quản lý người đó phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị, bệnh viện cấp quân khu để thực hiện trung cầu giám định y khoa hoặc trung cầu giám định pháp y tâm thần tại tổ chức giám định pháp y tâm thần có thẩm quyền.

Trường hợp kết quả giám định xác định người được tạm đình chỉ chấp hành án đã phục hồi sức khỏe thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện việc đưa người đó đến nơi chấp hành án và thông báo cho Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ.

Trường hợp kết quả giám định xác định người đó mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đề nghị Tòa án đã ra quyết định thi hành án đề ra quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ và áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh.

Trường hợp hết thời hạn tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù do bệnh nặng mà bệnh án hoặc kết luận giám định y khoa của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị, bệnh viện cấp quân khu xác định sức khỏe của họ chưa phục hồi, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi họ về cư trú, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đơn vị được giao quản lý người đó thông báo bằng văn bản cho Chánh án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù xem xét, quyết định việc có tiếp tục cho họ được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hay không. Các tài liệu gửi kèm theo văn bản của Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu gồm: đơn xin tiếp tục được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù của người được tạm đình chỉ hoặc thân nhân của họ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được tạm đình chỉ; bản sao bệnh án hoặc kết luận giám định y khoa xác định tình trạng sức khỏe của người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù chưa phục hồi.

Chi phí giám định do cơ quan trung cầu giám định chi trả.

6. Trong thời gian được tạm đình chỉ, người được tạm đình chỉ lại thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được

tạm đình chỉ cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người tạm đình chỉ báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ phải xem xét ra quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ và gửi quyết định đó cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Viện kiểm sát cùng cấp.

Trường hợp người được tạm đình chỉ bỏ trốn, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra quyết định truy nã và tổ chức truy bắt.

7. Trường hợp người được tạm đình chỉ chết, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó báo cáo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ và Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Trường hợp người được tạm đình chỉ chết khi đang điều trị tại bệnh viện theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thông báo cho Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ và Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ thi hành án và gửi cho cơ quan quy định tại các điểm b, c, d, e và g khoản 1 Điều này và Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án.

23. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 37a. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội trong quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Lập hồ sơ, tổ chức quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền theo quy định của Luật này;

b) Yêu cầu người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Giải quyết cho người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

d) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cư trú trong việc quản lý người đó;

d) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền huỷ quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp người đó lại thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

e) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện khi người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù chết, bỏ trốn, vắng mặt, thay đổi nơi cư trú khi chưa được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã;

g) Hàng tháng báo cáo Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện về việc quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

2. Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị quân đội được giao quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

b) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền huỷ quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp người đó lại thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

c) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu khi người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù chết, bỏ trốn, vắng mặt, thay đổi nơi cư trú khi chưa được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Hàng tháng báo cáo Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

24. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 37b. Nghĩa vụ của người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù

1. Có mặt theo giấy triệu tập và cam kết bằng văn bản về việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, làm việc.

3. Chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cư trú, làm việc.

4. Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được quản lý, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

5. Báo cáo về tình hình chấp hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý.

6. Tự giác trình báo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu khi hết thời hạn tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc khi sức khỏe hồi phục để tiếp tục chấp hành án.

25. Tại Điều 40 “Thực hiện trích xuất phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 40 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi có yêu cầu trích xuất phạm nhân phải gửi văn bản yêu cầu cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu nơi cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có yêu cầu trích xuất để yêu cầu người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này ra lệnh trích xuất. Khi nhận được yêu cầu trích xuất phạm nhân, người có thẩm quyền phải ra lệnh trích xuất.

2. Thẩm quyền trích xuất phạm nhân để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân đang chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an;

b) Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân đang chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng; Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân đang chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam cấp quận khu;

c) Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra lệnh trích xuất đối với phạm nhân đang chấp hành án tại trại tạm giam hoặc phạm nhân do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trực tiếp quản lý.

3. Trường hợp trích xuất phạm nhân để phục vụ yêu cầu quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo, khám bệnh, chữa bệnh hoặc để chăm sóc con của phạm nhân đang ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ phạm nhân phải đưa đi **khám bệnh, chữa bệnh** tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh **và tiêm chủng** thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện ra lệnh trích xuất.

4. Lệnh trích xuất phạm nhân phải có các nội dung sau đây:

- a) Cơ quan, họ, tên, chức vụ, cấp bậc người ra lệnh;
- b) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, ngày bị bắt, tội danh, thời hạn và nơi phạm nhân đang chấp hành án phạt tù;
- c) Mục đích và thời hạn trích xuất;
- d) Cơ quan, người nhận phạm nhân được trích xuất (nếu có);
- đ) Ngày, tháng, năm ra lệnh; chữ ký của người ra lệnh và đóng dấu.

5. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, bàn giao, lập biên bản giao nhận phạm nhân được trích xuất. Trường hợp thời hạn trích xuất từ 02 tháng trở lên và thời gian trích xuất bằng thời gian chấp hành án phạt tù còn lại của phạm nhân được trích xuất thì bàn giao phạm nhân cùng với hồ sơ và giấy tờ, đồ vật, tiền, tài sản khác (nếu có) của phạm nhân được trích xuất để cơ quan, người có thẩm quyền nhận phạm nhân trích xuất cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù khi hết thời hạn và ghi sổ theo dõi trích xuất.

Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cơ quan, người tiến hành tổ tụng có yêu cầu trích xuất có nhiệm vụ tiếp nhận, áp giải, quản lý phạm nhân và hồ sơ phạm nhân được trích xuất trong thời gian trích xuất.

6. Trường hợp đưa phạm nhân được trích xuất ra khỏi nơi chấp hành án thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiếp nhận phạm nhân được trích xuất phải bảo đảm chế độ ăn, ở, sinh hoạt cho người đó theo quy định của pháp luật trong thời gian trích xuất. Căn cứ lệnh trích xuất, trại tạm giam hoặc nhà tạm giữ nơi cơ quan điều tra, truy tố, xét xử có yêu cầu phải quản lý phạm nhân được trích xuất theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp không đưa phạm nhân được trích xuất ra khỏi nơi chấp hành án thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện bảo đảm chế độ ăn, ở, sinh hoạt và quản lý phạm nhân đó ngoài thời gian cơ quan, người nhận phạm nhân được trích xuất làm việc với phạm nhân.

8. Hết thời hạn trích xuất, cơ quan nhận phạm nhân được trích xuất phải gửi thông báo cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu và bàn giao phạm nhân được trích xuất cho trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để tiếp tục thi hành án, trừ trường hợp thời hạn trích xuất bằng thời gian chấp hành án phạt tù còn lại quy định tại khoản 5 Điều này; nếu có nhu cầu tiếp tục trích xuất thì đề nghị gia hạn trích xuất; thời hạn trích xuất và gia hạn trích xuất không được kéo dài hơn thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại của phạm nhân.

9. Thời gian trích xuất được tính vào thời hạn chấp hành án phạt tù, trừ trường hợp phạm nhân đó bỏ trốn trong thời gian được trích xuất.

Việc trích xuất không ảnh hưởng đến việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện của phạm nhân.

26. Tại Điều 41 “Khen thưởng phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 41 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân chấp hành tốt nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân, có thành tích trong lao động, học tập hoặc lập công thì được khen thưởng theo một hoặc nhiều hình thức sau đây:

- a) Biểu dương;
- b) Thưởng tiền hoặc hiện vật;
- c) Tặng số lần được liên lạc bằng điện thoại, số lần gặp thân nhân, số lần và số lượng quà được nhận.

1a. Trong thời gian chấp hành án phạt tù, đối phạm nhân chấp hành tốt nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân, có thành tích trong lao động, học tập thì được khen thưởng bằng hình thức biểu dương.

2. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định khen thưởng phạm nhân, **đối phạm nhân**. Việc khen thưởng phải bằng văn bản, được lưu vào hồ sơ phạm nhân. Phạm nhân được khen thưởng có thể được đề nghị xét nâng mức giảm thời hạn chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật.

27. Tại Điều 43 “Xử lý phạm nhân vi phạm”, cơ bản kế thừa quy định Điều Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Giam tại buồng kỷ luật đến 10 ngày.

2. Trong thời gian bị giam tại buồng kỷ luật, phạm nhân không được gặp thân nhân và có thể bị cùm chân. Không áp dụng cùm chân đối với phạm nhân nữ, phạm nhân là trẻ em, phạm nhân là người đủ 70 tuổi trở lên.

2a. Trường hợp khi xem xét kỷ luật phạm nhân xét thấy phạm nhân có từ 02 tình tiết giảm nhẹ hình thức kỷ luật trở lên thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có thể xem xét hạ mức hình thức kỷ luật hoặc có thể không áp dụng hình thức kỷ luật mà tổ chức giáo dục, nhắc nhở phạm nhân, yêu cầu phạm nhân viết cam kết.

3. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định kỷ luật phạm nhân bằng văn bản và lưu hồ sơ phạm nhân.

4. Trường hợp hành vi vi phạm của phạm nhân có dấu hiệu của tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Giám thị trại giam thì Giám thị trại giam ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thuộc thẩm quyền điều tra của mình thì phải kiến nghị cơ quan điều tra có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật.

Trường hợp hành vi vi phạm của phạm nhân đang giam giữ tại trại tạm giam, nhà tạm giữ Công an cấp huyện có dấu hiệu của tội phạm thì Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện kiến nghị cơ quan điều tra có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

28. Tại Điều 46 “Trả tự do cho phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 46 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Hai tháng trước khi phạm nhân hết thời hạn chấp hành án phạt tù, trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành xong án phạt tù về cư trú, làm việc, Bộ Ngoại giao trong trường hợp phạm nhân là người nước ngoài. Nội dung thông báo bao gồm kết quả chấp hành án phạt tù, hình phạt bổ sung mà phạm nhân còn phải chấp hành và thông tin cần thiết khác có liên quan để xem xét, sắp xếp, tạo lập cuộc sống bình thường cho người đó.

Trường hợp không xác định được nơi người chấp hành xong án phạt tù về cư trú thì trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đề nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân chấp hành án hoặc cơ quan, tổ chức khác để tiếp nhận người chấp hành xong án phạt tù về cư trú.

2. Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành án phạt tù, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu hoàn chỉnh thủ tục theo quy định của pháp luật để trả tự do cho phạm nhân; cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù cho người đã chấp hành xong án phạt tù, cấp khoản tiền từ Quỹ hòa nhập cộng đồng, cấp tiền tàu xe, tiền ăn trong thời gian đi đường trở về nơi cư trú hoặc nơi làm việc; trả lại đầy đủ giấy tờ, đồ vật, tiền, tài sản khác mà phạm nhân đã gửi tại nơi chấp hành án phạt tù quản lý.

2a. Trường hợp phạm nhân đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh mà hết thời hạn chấp hành án phạt tù thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh phối hợp với cơ sở bắt buộc chữa bệnh đang điều trị phạm nhân cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù theo quy định khoản 2 Điều này.

3. Trường hợp phạm nhân được trích xuất để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử mà thời gian trích xuất từ 02 tháng trở lên và thời gian trích xuất bằng thời gian chấp hành án phạt tù còn lại thì cơ quan có thẩm quyền nhận phạm nhân được trích xuất có trách nhiệm thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này, cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, trả tự do cho người được trích xuất và giải quyết các thủ tục, nghĩa vụ, quyền, lợi ích có liên quan của người

được trích xuất theo quy định tại khoản 2 Điều này nếu người đó không bị tạm giam về tội khác theo quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền.

4. Phạm nhân là người nước ngoài đã chấp hành xong án phạt tù thì được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù và lưu trú tại cơ sở lưu trú do cơ quan quản lý thi hành án hình sự chỉ định trong thời gian chờ làm thủ tục xuất cảnh.

5. Cơ quan đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù có trách nhiệm gửi giấy chứng nhận đó cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan chịu trách nhiệm thi hành các hình phạt bổ sung, cơ quan được thông báo quy định tại khoản 1 Điều này và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự.

Mục 2. CHẾ ĐỘ ĂN, MẶC, Ở, SINH HOẠT, CHĂM SÓC Y TẾ ĐỐI VỚI PHẠM NHÂN

29. Tại Điều 48 “Chế độ ăn, ở đối với phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 48 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, muối, nước mắm, dầu ăn, bột ngọt, chất đốt. Đối với phạm nhân lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật thì định lượng ăn được tăng thêm nhưng không quá 02 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, phạm nhân được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Căn cứ yêu cầu bảo đảm sức khỏe của phạm nhân trong quá trình giam giữ, lao động, học tập tại nơi chấp hành án, Chính phủ quy định cụ thể định mức ăn phù hợp với điều kiện kinh tế, ngân sách và biến động giá cả thị trường. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có thể quyết định hoán đổi định lượng ăn cho phù hợp với thực tế để phạm nhân có thể ăn hết tiêu chuẩn.

2. Ngoài tiêu chuẩn ăn quy định tại khoản 1 Điều này, phạm nhân được sử dụng quà, tiền của mình để ăn thêm nhưng không được quá 03 lần định lượng trong 01 tháng cho mỗi phạm nhân.

3. Phạm nhân được bảo đảm ăn, uống hợp vệ sinh. Mỗi phân trại của cơ sở giam giữ phạm nhân được tổ chức ít nhất một bếp ăn tập thể. Thủ trưởng cơ sở giam giữ hợp tác căn cứ tình hình, số lượng phạm nhân, điều kiện cụ thể và khả năng hợp tác với tổ chức, cá nhân (có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật) tổ chức bếp ăn cho phạm nhân.

Bếp ăn cho phạm nhân được cấp các dụng cụ cần thiết cho việc nấu ăn, đun nước uống và chia đồ ăn cho phạm nhân theo khẩu phần tiêu chuẩn.

4. Phạm nhân được ở theo buồng giam tập thể, trừ phạm nhân đang bị giam riêng theo quy định tại các điểm d, đ, e, g khoản 2 và khoản 3 Điều 30 của Luật này. Chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 02 m². Đối với phạm nhân có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 03 m².

4a. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

30. Tại Điều 50 “Chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 50 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân được hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án.

Mỗi phân trại của trại giam có thư viện, khu vui chơi, sân thể thao, được trang bị một hệ thống truyền thanh nội bộ, mỗi buồng giam tập thể được trang bị 01 tivi.

2. Thời gian hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình của phạm nhân được thực hiện theo nội quy ***cơ sở giam giữ***.

3. Phạm nhân theo tôn giáo được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

31. Tại Điều 52 “Chế độ gặp, nhận quà của phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 52 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân được gặp thân nhân 01 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 01 giờ. Căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định kéo dài thời gian gặp thân nhân nhưng không quá 03 giờ hoặc được gặp vợ, chồng ở phòng riêng không quá 24 giờ. Phạm nhân được khen thưởng hoặc lập công thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

Phạm nhân vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân thì 02 tháng được gặp thân nhân 01 lần, mỗi lần không quá 01 giờ.

Thời gian thăm gặp của phạm nhân được thực hiện tất cả các ngày trong tuần, kể cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo giờ làm việc của đơn vị.

2. Trường hợp đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác có đề nghị được gặp phạm nhân thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Khi gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác, phạm nhân được nhận thư, tiền, đồ vật, trừ đồ vật thuộc danh mục cấm. Đối với tiền, phạm nhân phải gửi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quản lý. Việc quản lý, sử dụng đồ vật, tiền của phạm nhân được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 28 của Luật này.

4. Phạm nhân được nhận quà là tiền, đồ vật do thân nhân gửi qua đường bưu chính không quá 02 lần trong 01 tháng. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận tiền, đồ vật mà thân nhân của phạm nhân gửi cho phạm nhân và bóc, mở, kiểm tra để phát hiện và xử lý đồ vật thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

5. Thân nhân của phạm nhân đến gặp phạm nhân phải mang theo sổ thăm gặp hoặc đơn xin gặp có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi người đó cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải phổ biến cho thân nhân của phạm nhân về quy định thăm gặp phạm nhân; thân nhân của phạm nhân phải chấp hành các quy định này.

Đối với phạm nhân là người nước ngoài, trường hợp thân nhân là người nước ngoài thì phải có đơn xin gặp gửi cơ quan quản lý thi hành án hình sự, đơn phải viết bằng tiếng Việt hoặc được dịch ra tiếng Việt và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mà người đó mang quốc tịch hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam nơi người đó làm việc; trường hợp thân nhân là người Việt Nam thì đơn xin gặp phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan quản lý thi hành án hình sự có trách nhiệm trả lời người có đơn; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng thời hạn trả lời không quá 30 ngày.

6. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện bố trí nơi phạm nhân gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác.

7. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

32. Tại Điều 53 “Thủ tục thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự”, cơ bản kế thừa quy định Điều 53 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự nước ngoài có yêu cầu thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự đối với phạm nhân mang quốc tịch nước mình đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam phải gửi văn bản đề nghị đến Bộ Ngoại giao. Nội dung văn bản đề nghị bao gồm:

- a) Tên cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự gửi văn bản;
- b) Họ, tên, quốc tịch phạm nhân cần thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự;
- c) Trại giam nơi phạm nhân đang chấp hành án;
- d) Họ, tên, chức vụ của những người đến thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự;
- đ) Họ, tên người phiên dịch.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an hoặc cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ

Quốc phòng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan quản lý thi hành án hình sự có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự nước ngoài đã đề nghị liên hệ với cơ quan quản lý thi hành án hình sự có thẩm quyền cấp giấy giới thiệu thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự.

3. Thời gian thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự được thực hiện trong giờ làm việc, ngày làm việc. Phạm nhân được thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự 01 lần trong 01 tháng, mỗi lần không quá 01 giờ. Căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định kéo dài thời gian gặp thân nhân nhưng không quá 03 giờ.

33. Tại Điều 54 “Chế độ liên lạc của phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 54 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân được gửi mỗi tháng 02 lá thư. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải kiểm tra, kiểm duyệt thư mà phạm nhân gửi và nhận.

2. Phạm nhân được liên lạc điện thoại trong nước **hoặc thực hiện cuộc gọi có hình ảnh** với thân nhân mỗi tháng 01 lần, mỗi lần không quá 10 phút, trừ trường hợp cấp bách. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, quyết định về **hình thức liên lạc của phạm nhân** và tổ chức kiểm soát việc liên lạc này.

3. Chi phí cho việc liên lạc của phạm nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này do phạm nhân chi trả.

34. Tại Điều 55 “Chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 55 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân được hưởng chế độ phòng, chống dịch bệnh. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp huyện hoặc bệnh viện quân đội, **bệnh viện Công an** nơi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đóng tổ chức khám sức khỏe cho phạm nhân.

2. Phạm nhân bị ốm, bị thương tích thì được khám bệnh, chữa bệnh và điều trị tại cơ sở y tế của trại giam, trại tạm giam hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước nơi gần nhất. Trường hợp phạm nhân bị bệnh nặng hoặc thương tích vượt quá khả năng điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó thì **cơ sở giam giữ phạm nhân phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị phạm nhân giới thiệu, chuyển phạm nhân đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác phù hợp tình trạng bệnh**; trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo cho thân nhân hoặc đại diện của

người đó biết để phối hợp chăm sóc, điều trị. Chế độ ăn, cấp phát thuốc, bồi dưỡng cho phạm nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định.

Trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh **được giới thiệu, chuyển phạm nhân đến điều trị**, bệnh viện quân đội xây dựng hoặc bố trí một số buồng riêng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để điều trị cho phạm nhân. Việc quản lý, giám sát phạm nhân trong thời gian điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện chịu trách nhiệm.

3. Đối với phạm nhân có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành án phạt tù trung cầu giám định pháp y tâm thần. Khi có kết luận giám định là người đó mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành án ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh đối với người đó.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý phạm nhân thuộc đối tượng bắt buộc chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Phạm nhân nghiện ma túy được trại giam tổ chức cai nghiện.

5. Kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, tổ chức cai nghiện ma túy và kinh phí xây dựng, bố trí các buồng chữa bệnh dành cho phạm nhân tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Nhà nước cấp.

5a. Phạm nhân được nhận và sử dụng các loại thuốc chữa bệnh, thuốc bổ theo chỉ định của bác sĩ, y sĩ tại cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã được khám và điều trị bệnh khi được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở giam giữ. Thuốc chữa bệnh và thuốc bổ phạm nhân được nhận phải có nhãn, mác ghi rõ hàm lượng, công dụng, nơi sử dụng và còn thời hạn sử dụng.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

35. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 55a. Giải quyết trường hợp phạm nhân có nguyện vọng hiến mô, một phần bộ phận cơ thể con người

1. Trường hợp phạm nhân có nguyện vọng hiến mô, một phần bộ phận cơ thể con người thì cơ sở giam giữ phạm nhân phối hợp với Sở y tế trên địa bàn đơn vị đóng quân xác định cơ sở y tế có đủ điều kiện lấy mô, bộ phận cơ thể người.

2. Cơ sở y tế có đủ điều kiện lấy mô, bộ phận cơ thể người phối hợp với cơ sở giam giữ phạm nhân đánh giá về tình trạng sức khỏe của phạm nhân

sau khi hiến mô, một phần bộ phận cơ thể con người đảm bảo sức khoẻ để tiếp tục chấp hành án.

3. Trong thời hạn 05 ngày, sau khi có đánh giá về tình trạng sức khoẻ của phạm nhân sau khi hiến mô, một phần bộ phận cơ thể con người, Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

4. Trong thời hạn 05 ngày, sau khi nhận được báo cáo của Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân về việc hiến mô, một phần bộ phận cơ thể con người, cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hoặc không đồng ý. Trường hợp không đồng ý nêu rõ lý do.

5. Cơ sở y tế có đủ điều kiện lấy mô, bộ phận cơ thể người phối hợp với cơ sở giam giữ phạm nhân thực hiện các trình tự, thủ tục, chế độ, chính sách đối với phạm nhân hiến mô, một phần bộ phận cơ thể theo quy định pháp luật về hiến mô, bộ phận cơ thể con người.

6. Cơ sở y tế có đủ điều kiện lấy mô, bộ phận cơ thể người có trách nhiệm xác nhận về việc phục hồi sức khoẻ của phạm nhân sau khi hiến mô, một phần bộ phận cơ thể con người và thông báo cho cơ sở giam giữ phạm nhân để thực hiện đưa phạm nhân về tiếp tục chấp hành án.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

36. Tại Điều 56 “Thủ tục giải quyết trường hợp phạm nhân chết”, cơ bản kế thừa quy định Điều 56 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Khi phạm nhân chết tại trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát quân sự khu vực nơi có phạm nhân chết để xác định nguyên nhân. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện làm thủ tục đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân chết và thông báo cho thân nhân hoặc đại diện của phạm nhân trước khi làm thủ tục mai táng. Trường hợp phạm nhân chết ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó gửi giấy báo tử cho trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Trường hợp phạm nhân là người nước ngoài, Giám thị trại giam phải báo ngay cho cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi có phạm nhân chết để xác định nguyên nhân; đồng thời báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an hoặc cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện của nước mà người đó mang quốc

tịch. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trại giam có trách nhiệm tổ chức mai táng.

2. Khi cơ quan có thẩm quyền cho phép làm các thủ tục mai táng người chết thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm thông báo về việc mai táng cho thân nhân hoặc người đại diện của phạm nhân. Trường hợp thân nhân của người chết có đơn đề nghị thì bàn giao tử thi đó cho họ, trừ trường hợp có căn cứ cho rằng việc đó ảnh hưởng đến an ninh trật tự và vệ sinh môi trường. Sau thời hạn 24 giờ kể từ khi thông báo mà họ không nhận thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức mai táng theo quy định của pháp luật và thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ việc chấp hành án phạt tù và gửi cho thân nhân của người chết, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi phạm nhân chết, Viện kiểm sát có thẩm quyền, Sở Tư pháp nơi Tòa án ra quyết định đình chỉ có trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân chết có trách nhiệm phối hợp với trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong việc mai táng và quản lý mộ của phạm nhân. Kinh phí cho việc mai táng được Nhà nước cấp.

Trường hợp phạm nhân chết là người nước ngoài, trong thời hạn 48 giờ kể từ khi thông báo về phạm nhân chết, nếu cơ quan đại diện của nước mà người đó mang quốc tịch không đề nghị nhận tử thi thì trại giam tổ chức mai táng.

3. Trường hợp thân nhân hoặc đại diện của phạm nhân có đơn đề nghị được nhận tử thi hoặc hài cốt của phạm nhân và tự chịu chi phí, thì trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có thể xem xét, giải quyết, trừ trường hợp có căn cứ cho rằng việc đó ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và vệ sinh môi trường. Việc nhận hài cốt chỉ được giải quyết sau thời hạn 03 năm kể từ ngày mai táng. Trường hợp phạm nhân là người nước ngoài thì việc nhận tử thi hoặc hài cốt phải được cơ quan quản lý thi hành án hình sự xem xét, quyết định.

4. Kinh phí liên quan tới việc an táng do ngân sách nhà nước bảo đảm, Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Mục 3. THA TÙ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN

37. Tại Điều 61 “Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện”, cơ bản kế thừa quy định Điều 61 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền theo quy định của Luật này;

b) Yêu cầu người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Biểu dương người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiều tiến bộ hoặc lập công;

d) Giải quyết cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

d1) Giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện ra khỏi nơi cư trú để làm việc;

đ) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện làm việc, học tập trong việc quản lý người đó;

e) Lập hồ sơ, có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề nghị Tòa án cùng cấp xem xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách;

g) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành trong trường hợp người đó vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật Hình sự;

h) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện khi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện bỏ trốn;

i) Nhận xét bằng văn bản quá trình chấp hành nghĩa vụ trong thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện;

k) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách.

2. Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, i và k khoản 1 Điều này;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

c) Phối hợp với gia đình của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong việc quản lý người đó;

d) Lập hồ sơ, có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đề nghị Tòa án cùng cấp xem xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách;

đ) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành trong trường hợp người đó vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật Hình sự;

e) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu khi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện bỏ trốn.

38. Tại Điều 62 “Nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện”, cơ bản kế thừa quy định Điều 62 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc, học tập.

2. Trình diện và cam kết theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này.

2a. Cam kết thực hiện giám sát điện tử theo quy định của Luật này.

3. Chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý.

3a. Chỉ được cư trú trên địa bàn cấp xã theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại Điều 67 và Điều 68 Luật này.

4. Chấp hành quy định tại Điều 67 của Luật này.

5. Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý.

6. Hằng tháng phải báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình. Trường hợp vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật này thì khi hết thời hạn vắng mặt, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải báo cáo về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình.

39. Tại Điều 64 “Rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện”, cơ bản kế thừa quy định Điều 64 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được đề nghị rút ngắn thời gian thử thách khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách;

b) Có nhiều tiến bộ trong thời gian thử thách.

2. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện mỗi năm có thể được rút ngắn thời gian thử thách 01 lần từ 03 tháng đến 02 năm. Trường hợp thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện còn lại dưới 03 tháng thì Tòa án có thể quyết định rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.

Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể được rút ngắn thời gian thử thách nhiều lần, nhưng phải bảo đảm thực tế đã chấp hành ít nhất ba phần tư thời gian thử thách, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện là người dưới 18 tuổi, người đã lập công, người đã quá già yếu hoặc người bị bệnh hiểm nghèo và có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì Tòa án có thể rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.

Người được tha tù trước thời hạn đang thực hiện giám sát điện tử, khi được rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kết thúc giám sát điện tử đối với họ.

40. Tại Điều 66 “Việc kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện”, cơ bản kế thừa quy định Điều 66 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trong thời gian thử thách, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm lần đầu nghĩa vụ quy định tại Điều 62 của Luật này hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính lần đầu thì Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý phải phối hợp với cơ quan, tổ chức, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở tổ chức họp tại cộng đồng dân cư nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú để kiểm điểm người đó; trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang làm việc tại đơn vị quân đội thì việc kiểm điểm được thực hiện tại đơn vị quân đội nơi người đó làm việc.

2. Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

2a. Cùng với việc kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện khi vi phạm nghĩa vụ lần đầu thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi họ báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định thực hiện giám sát điện tử đối với họ.

Nếu thuộc quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật này mà người được tha tù trước thời hạn đang bị giám sát điện tử thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu bàn giao việc giám sát điện tử của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú.

Khi bị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 71 Luật này hoặc hết thời gian thử thách hoặc

người được tha tù trước thời hạn chết thì quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kết thúc giám sát điện tử đối với họ.

2b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2a Điều này.

41. Tại Điều 67 “Việc vắng mặt tại nơi cư trú của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện”, cơ bản kế thừa quy định Điều 67 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời gian thử thách nhưng mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý **bằng văn bản**, trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý.

3. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

3a. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang bị giám sát điện tử thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi họ báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu biết để phân công giám sát điện tử đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời hạn vắng mặt ở nơi cư trú cho cơ quan, đơn vị mà những nơi người đó đến cư trú.

3b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3a Điều này.

42. Tại Điều 68 “Giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc”, cơ bản kế thừa quy định Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vì lý do chính đáng mà phải thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì phải làm đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, xác minh và giải quyết cho người đó thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc. Trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

2. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được xem xét, giải quyết cho thay đổi nơi cư trú nếu bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về cư trú;

b) Được sự đồng ý của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong trường hợp thay đổi nơi cư trú trong phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong trường hợp thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an trong trường hợp thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh.

3. Việc thay đổi nơi làm việc của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong phạm vi quân khu do cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định.

Việc thay đổi nơi làm việc của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện ngoài phạm vi quân khu do cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng quyết định.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không tiếp tục làm việc trong quân đội thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục chuyển hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú để quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật này.

3a. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang bị giám sát điện tử cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phân công giám sát điện tử đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cho cơ quan, đơn vị mà những nơi người đó đến cư trú, làm việc.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không làm việc trong quân đội quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật này, mà đang bị giám sát điện tử thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu bàn giao việc giám sát điện tử của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú.

Khi hết thời gian thử thách hoặc có quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện có hiệu lực pháp luật hoặc người được tha tù trước thời hạn chết thì quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân kết thúc giám sát điện tử đối với họ.

3b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3a Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này *trừ nội dung tại khoản 3a Điều này.*

43. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 68a. Giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nguyện vọng làm việc ngoài nơi cư trú

1. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nguyện vọng lựa chọn việc làm ngoài nơi cư trú thì phải xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý về kế hoạch lao động, hợp đồng lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người đó làm việc.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý đồng ý về việc cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện làm việc ngoài nơi cư trú thì người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến làm việc; khi kết thúc hợp đồng lao động phải có xác nhận Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã tại nơi mình làm việc.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc giải quyết cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện ra khỏi nơi cư trú để làm việc.

5. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian làm việc tại nơi cư trú phải chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm pháp luật tại nơi làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến làm việc phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người này để phối hợp giải quyết.

44. Tại Điều 69 “Xử lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính”, cơ bản kế thừa quy định Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 62 của Luật này thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm; trường hợp có ý vi phạm lần thứ hai thì lập biên bản vi phạm và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do đơn vị quân đội quản lý có ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 62 của Luật này thì đơn vị quân đội

được giao quản lý lập biên bản vi phạm; trường hợp cố ý vi phạm lần thứ hai thì lập biên bản vi phạm và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Trường hợp vi phạm lần đầu nghĩa vụ quy định tại Điều 62 của Luật này thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định thực hiện giám sát điện tử theo quy định tại khoản 2a Điều 66 Luật này.

2. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên thì Công an cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do đơn vị quân đội quản lý vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên thì đơn vị quân đội được giao quản lý báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện kèm theo biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu khác có liên quan đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện để tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu khác có liên quan của đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

45. Bổ sung 01 Chương mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Chương IVa

GIÁM SÁT ĐIỆN TỬ

Điều 72a. Phương thức giám sát điện tử

1. Người bị giám sát điện tử được gắn 01 thiết bị giám sát điện tử lên cơ thể của người này để theo dõi vị trí trong quá trình bị giám sát. Khi đi khỏi phạm vi địa bàn cư trú, làm việc thiết bị sẽ phát cảnh báo đến cơ quan, người quản lý.

2. Việc giám sát thực hiện qua Trung tâm giám sát điện tử được thiết lập ở cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Hệ thống máy chủ giám sát điện tử đặt tại cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng.

Điều 72b. Thực hiện giám sát điện tử

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể khi gắn thiết bị giám sát điện tử lên cơ thể của người bị giám sát, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu sẽ thông báo, phân quyền quản lý cho Công an cấp xã biết để trực tiếp thực hiện việc giám sát điện tử.

Thời gian giám sát điện tử bằng thời gian chấp hành án, thời gian thử thách theo quyết định của Tòa án.

2. Người chấp hành án hình sự đang bị giám sát đi khỏi nơi cư trú mà không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc có hành vi phá hủy, tháo rời khỏi cơ thể, làm mất tính năng, tác dụng của thiết bị giám sát điện tử sẽ có cảnh báo, cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kịp thời thông báo, trao đổi cho Công an cấp xã, đơn vị quân đội đang quản lý, giám sát đối tượng để kiểm tra, xác minh kịp thời.

a) Nếu có căn cứ xác định là hành vi tự ý rời khỏi nơi cư trú, phá hủy, tháo rời, làm mất tính năng, tác dụng của thiết bị giám sát từ xa mà không thuộc trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao theo dõi, quản lý, giáo dục người người bị giám sát điện tử có trách nhiệm lập biên bản vi phạm và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Riêng đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành án treo trong trường hợp này thì được xác định là vi phạm nghĩa vụ lần hai, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện thủ tục huỷ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định Điều 71 và lập hồ sơ buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định khoản 3 Điều 93 Luật này.

b) Khi hết thời gian giám sát điện tử, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kết thúc giám sát điện tử đối với họ và thu hồi thiết bị giám sát điện tử.

3. Chính phủ quy định chi tiết điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 72c. Trung tâm giám sát điện tử người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Trung tâm giám sát điện tử đặt tại Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng để cập nhật, quản lý, lưu trữ dữ liệu ghi được từ thiết bị giám sát điện tử phục vụ việc theo dõi, quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người chấp hành án phạt quản chế, người chấp hành án phạt cấm cư trú và phân quyền quản trị, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát điện tử đặt cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

2. Trung tâm giám sát điện tử đặt cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu phân quyền giám sát cho Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 72d. Trách nhiệm của người bị giám sát điện tử

1. Người bị giám sát điện tử không được tự ý phá hủy, tháo rời khỏi cơ thể, làm mất tính năng, tác dụng của thiết bị giám sát điện tử trong thời gian bị giám sát. Trường hợp cố ý làm hư hỏng thiết bị giám sát điện tử tùy từng mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo thiết bị được kết nối với các trung tâm giám sát được thiết lập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Điều 72d. Trường hợp không thực hiện giám sát điện tử

Không thực hiện giám sát điện tử đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người chấp hành án phạt quản chế, người chấp hành án phạt cấm cư trú trong các trường hợp sau đây:

1. Bị bệnh nặng, đang cấp cứu hoặc vì lý do sức khỏe khác mà không thể đi lại được và được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận.

2. Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng.

3. Có lý do chính đáng khác được Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu xác nhận.

Mục 4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHẠM NHÂN LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

46. Tại Điều 76 “Chế độ gặp, liên lạc điện thoại với thân nhân”, cơ bản kế thừa quy định Điều 76 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được gặp thân nhân không quá 03 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 03 giờ. Căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Giám thị trại giam quyết định kéo dài thời gian gặp nhưng không quá 24 giờ.

Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

2. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được liên lạc bằng điện thoại trong nước hoặc thực hiện cuộc gọi có hình ảnh với thân nhân không quá 04 lần trong 01 tháng, mỗi lần không quá 10 phút và tự chịu chi phí. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, quyết định về hình thức liên lạc của phạm nhân và tổ chức kiểm soát việc liên lạc này.

3. Nhà nước khuyến khích thân nhân của phạm nhân là người dưới 18 tuổi quan tâm gửi sách vở, đồ dùng học tập, dụng cụ thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí cho phạm nhân.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Chương V

THI HÀNH ÁN TREO, ÁN PHẠT CẢNH CÁO, CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ

Mục 1. THI HÀNH ÁN TREO

47. Tại Điều 86 “Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo”, cơ bản kế thừa quy định Điều 86 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Lập hồ sơ, tổ chức giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền theo quy định của Luật này;

b) Yêu cầu người được hưởng án treo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Biểu dương người được hưởng án treo có nhiều tiến bộ hoặc lập công;

d) Giải quyết cho người được hưởng án treo được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

d1) Giải quyết trường hợp người được hưởng án treo ra khỏi nơi cư trú để làm việc;

đ) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người được hưởng án treo làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó;

e) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đề nghị Tòa án cùng cấp xem xét, quyết định việc rút ngắn thời gian thử thách;

g) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định của Luật này;

h) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện khi người được hưởng án treo bỏ trốn;

i) Hằng tháng nhận xét bằng văn bản về quá trình chấp hành án của người được hưởng án treo và lưu hồ sơ giám sát, giáo dục;

k) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án.

2. Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, i và k khoản 1 Điều này;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết cho người được hưởng án treo được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

c) Phối hợp với gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo cư trú trong việc giám sát, giáo dục người đó;

d) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để đề nghị Tòa án quân sự khu vực xem xét, quyết định việc rút ngắn thời gian thử thách;

đ) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định của Luật này;

e) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu khi người được hưởng án treo bỏ trốn.

48. Tại Điều 87 “Nghĩa vụ của người được hưởng án treo”, cơ bản kế thừa quy định Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Có mặt theo giấy triệu tập và cam kết việc chấp hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này.

2. Thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc, học tập; chấp hành đầy đủ hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp vì lý do khách quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

2a. Cam kết thực hiện giám sát điện tử theo quy định của Luật này.

3. Chịu sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cư trú, nơi làm việc.

3a. Chỉ được cư trú trên địa bàn cấp xã theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại Điều 92 của Luật này.

4. Chấp hành quy định tại Điều 92 của Luật này.

4. Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

6. Hằng tháng phải báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình. Trường hợp vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật này thì khi hết thời hạn vắng mặt, người được hưởng án treo phải báo cáo về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình.

49. Tại Điều 89 “Rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo”, cơ bản kế thừa quy định Điều 89 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người được hưởng án treo được đề nghị rút ngắn thời gian thử thách khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách;
- b) Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật này; tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm hoặc lập thành tích trong lao động, bảo vệ an ninh, trật tự được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

2. Người được hưởng án treo chỉ được xét rút ngắn thời gian thử thách mỗi năm 01 lần, mỗi lần từ 01 tháng đến 01 năm. Trường hợp thời gian thử thách còn lại không quá 01 tháng thì có thể được rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại. Người được hưởng án treo có thể được rút ngắn thời gian thử thách nhiều lần, nhưng phải bảo đảm thực tế đã chấp hành ba phần tư thời gian thử thách.

3. Trường hợp người được hưởng án treo lập công hoặc bị bệnh hiểm nghèo và có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì Tòa án có thể rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.

Người đang chấp hành án treo đang bị giám sát điện tử, khi được rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kết thúc giám sát điện tử đối với họ.

50. Tại Điều 90 “Thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo”, cơ bản kế thừa quy định Điều 90 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo có trách nhiệm rà soát người đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật này, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kèm theo tài liệu có liên quan để đề nghị xét rút ngắn thời gian thử thách.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ và có văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người có đủ điều kiện gửi đến Tòa án và Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện lập hồ sơ rút ngắn thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập hồ sơ và có văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người có đủ điều kiện gửi đến Tòa án và Viện kiểm sát quân sự khu vực. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện lập hồ sơ rút ngắn thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có văn bản thông báo cho đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

3. Hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách bao gồm:

a) Đơn đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của người được hưởng án treo;

b) Bản sao bản án. Đối với trường hợp xét rút ngắn thời gian thử thách từ lần thứ hai thì bản sao bản án được thay bằng bản sao quyết định thi hành án treo;

c) Văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo;

d) Trường hợp người được hưởng án treo được khen thưởng hoặc lập công thì hồ sơ phải có quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người được hưởng án treo lập công; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì phải có kết luận của *cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị người được hưởng án treo*, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh của họ;

đ) Trường hợp người được hưởng án treo đã được rút ngắn thời gian thử thách thì phải có bản sao quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

4. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo cư trú hoặc làm việc thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc chấp nhận toàn bộ, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận rút ngắn thời gian thử thách của án treo, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, Tòa án đã ra quyết định cho hưởng án treo, Sở Tư pháp nơi Tòa án ra quyết định cho hưởng án treo có trụ sở.

51. Tại Điều 91 “Việc kiểm điểm người được hưởng án treo”, cơ bản kế thừa quy định Điều 91 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo thuộc một trong các trường hợp sau đây thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục tổ chức kiểm điểm:

a) Vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 87 của Luật này và đã bị nhắc nhở bằng văn bản về việc vi phạm mà tiếp tục vi phạm;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ giám sát, giáo dục và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

2a. Cùng với việc kiểm điểm người đang chấp hành án treo vi phạm nghĩa vụ lần đầu thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định giám sát điện tử đối với người này.

Ngay sau khi Tòa án ra quyết định về việc buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 93 Luật này hoặc hết thời gian thử thách hoặc người chấp hành án treo chết thì quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kết thúc giám sát điện tử đối với người này.

2b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2a Điều này.

52. Tại Điều 92 “Giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người được hưởng án treo”, cơ bản kế thừa quy định Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục **bằng văn bản**; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

4a. Trường hợp người chấp hành án treo đang bị giám sát điện tử vắng mặt tại nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục họ báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu biết để phân công giám sát điện tử đối với họ khi vắng mặt ở nơi cư trú, đi khỏi nơi cư trú, làm việc cho cơ quan, đơn vị mà những nơi họ đến cư trú, làm việc.

Trường hợp người chấp hành án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định khoản 3a Điều 68 Luật này.

4b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4a Điều này.

53. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 92a. Giải quyết trường hợp người được hưởng án treo có nguyện vọng làm việc ngoài nơi cư trú

1. Trường hợp người được hưởng án treo có nguyện vọng lựa chọn việc làm ngoài nơi cư trú thì phải xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Người được hưởng án treo có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý về kế hoạch lao động, hợp đồng lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người đó làm việc.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý đồng ý về việc cho người được hưởng án treo làm việc ngoài nơi cư trú thì người được hưởng án treo phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến làm việc; khi kết thúc hợp đồng lao động phải có xác nhận Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã tại nơi mình làm việc.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hưởng án treo phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc giải quyết cho người được hưởng án treo ra khỏi nơi cư trú để làm việc.

5. Người được hưởng án treo trong thời gian làm việc tại nơi cư trú phải chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật tại nơi làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến làm việc phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người này để phối hợp giải quyết.

54. Tại Điều 93 “Xử lý vi phạm đối với người được hưởng án treo”, cơ bản kế thừa quy định Điều 93 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật này thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp

huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm, đồng thời yêu cầu người được hưởng án treo phải có mặt trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm. Hết thời hạn này mà người được hưởng án treo vẫn không có mặt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú, Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo làm việc quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp vi phạm nghĩa vụ lần đầu quy định tại khoản 1 Điều 87 thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định thực hiện giám sát điện tử theo quy định tại khoản 2a Điều 91 Luật này.

2. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo đã bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 91 của Luật này nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì Công an cấp xã đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo gửi Tòa án nhân dân cấp huyện để xem xét, quyết định, đồng thời gửi Viện kiểm sát cùng cấp. Hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện;
- b) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo về việc người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên;
- c) Biên bản người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ;
- d) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với người được hưởng án treo trong trường hợp người đó bị xử phạt vi phạm hành chính;
- đ) Biên bản kiểm điểm người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ;
- e) Tài liệu khác có liên quan.

4. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo do đơn vị quân đội giám sát, giáo dục đã bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 91 của Luật này nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì đơn vị quân đội giám sát, giáo dục lập biên bản vi phạm và đề nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, đồng thời gửi Viện kiểm sát quân sự cùng cấp. Hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;
- b) Báo cáo của đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo về việc người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên;
- c) Biên bản người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ;
- d) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với người được hưởng án treo trong trường hợp người đó bị xử phạt hành chính;
- đ) Biên bản kiểm điểm người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ;
- e) Tài liệu khác có liên quan.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo cư trú hoặc làm việc thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, Tòa án phải gửi quyết định cho cá nhân, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật này.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải làm thủ tục đưa người bị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo đi chấp hành án phạt tù Trường hợp người bị Tòa án quyết định chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục đề nghị cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định truy nã.

Trường hợp Tòa án không chấp nhận đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lưu quyết định và các tài liệu có liên quan vào hồ sơ thi hành án treo và thông báo quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo để tiếp tục giám sát, giáo dục.

Mục 3. THI HÀNH ÁN PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ

55. Tại Điều 98 “Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 98 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Lập hồ sơ, tổ chức giám sát, giáo dục người chấp hành án; bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền theo quy định của Luật này;
- b) Yêu cầu người chấp hành án thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;
- c) Biểu dương người chấp hành án có nhiều tiến bộ hoặc lập công;
- d) Giải quyết cho người chấp hành án được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

d1) Giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ ra khỏi nơi cư trú để làm việc;

- đ) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó;
- e) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án, miễn chấp hành án;
- g) Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự thực hiện khấu trừ một phần thu nhập của người chấp hành án theo quyết định của Tòa án để sung quỹ nhà nước;
- h) Tổ chức giám sát người chấp hành án thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng;
- i) Đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự người chấp hành án trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 105 của Luật này;
- k) Hằng tháng nhận xét bằng văn bản về quá trình chấp hành án của người chấp hành án và lưu hồ sơ giám sát, giáo dục;

l) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án.

2. Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, g, i, k và l khoản 1 Điều này;
- b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết cho người chấp hành án được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;
- c) Phối hợp với gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú trong việc giám sát, giáo dục người đó;
- d) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án, miễn chấp hành án.

56. Tại Điều 99 “Nghĩa vụ của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 99 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Có mặt theo giấy triệu tập và cam kết việc chấp hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 97 của Luật này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh cam kết tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc; tích cực tham gia lao động, học tập; chấp hành đầy đủ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, các hình phạt bổ sung theo bản án của Tòa án.

2a. Cam kết thực hiện giám sát điện tử theo quy định của Luật này.

3. Thực hiện nghĩa vụ nộp phần thu nhập bị khấu trừ; thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định của pháp luật.

4. Chịu sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cư trú, nơi làm việc.

4a. Chỉ được cư trú trên địa bàn cấp xã theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại Điều 100 của Luật này.

5. Chấp hành quy định tại Điều 100 của Luật này.

6. Có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

7. Hằng tháng phải nộp bản tự nhận xét về việc thực hiện nghĩa vụ chấp hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật này.

57. Tại Điều 100 “Giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục **bằng văn bản**; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm

trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

3a. Trường hợp người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đang bị giám sát điện tử vắng mặt khỏi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục họ báo cáo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu biết để phân công giám sát điện tử đối với họ khi vắng mặt ở nơi cư trú, đi khỏi nơi cư trú, làm việc cho cơ quan, đơn vị mà những nơi người đó đến cư trú, làm việc.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đang bị giám sát điện tử thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định khoản 3a Điều 68 Luật này.

4. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

4a. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3a Điều này.

58. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 100a. Giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ có nguyện vọng làm việc ngoài nơi cư trú

1. Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ có nguyện vọng lựa chọn việc làm ngoài nơi cư trú thì phải xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý về kế hoạch lao động, hợp đồng lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người đó làm việc.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý đồng ý về việc cho người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ làm việc ngoài nơi cư trú thì người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến làm việc; khi kết thúc hợp đồng lao động phải có xác nhận Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã tại nơi mình làm việc.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân

khu về việc giải quyết cho người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ ra khỏi nơi cư trú để làm việc.

5. Người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian làm việc tại nơi cư trú phải chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình. Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vi phạm pháp luật tại nơi làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến làm việc phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người này để phối hợp giải quyết.

59. Tại Điều 102 “Giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 102 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người chấp hành án có thể được Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực quyết định giảm thời hạn chấp hành án khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn án phạt; đối với người dưới 18 tuổi thì phải chấp hành được một phần tư thời hạn án phạt;

b) Trong thời gian *chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ* người chấp hành án đã chấp hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 của Luật này; tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm hoặc lập thành tích trong lao động, bảo vệ an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng;

c) Bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự trong trường hợp có nghĩa vụ dân sự.

2. Người chấp hành án mỗi năm được xét giảm thời hạn chấp hành án 01 lần, mỗi lần có thể được giảm từ 03 tháng đến 09 tháng.

3. Người chấp hành án có thể được giảm thời hạn chấp hành án nhiều lần nhưng phải bảo đảm thời gian thực tế chấp hành án là một phần hai mức án, đối với người chấp hành án là người dưới 18 tuổi thì phải bảo đảm thời gian thực tế chấp hành án là hai phần năm mức án.

4. Người chấp hành án đã lập công, người đã quá già yếu hoặc người bị bệnh hiểm nghèo đã chấp hành được một phần tư thời hạn án phạt thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành án, mức giảm mỗi lần cao nhất là 01 năm nhưng phải bảo đảm thời gian thực tế chấp hành án là hai phần năm mức án.

5. Người chấp hành án là người dưới 18 tuổi nếu lập công hoặc bị bệnh hiểm nghèo thì được xét giảm ngay. Trường hợp đã chấp hành được hai phần năm mức án thì có thể được giảm hết thời hạn còn lại.

60. Tại Điều 103 “Thủ tục giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 103 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án có trách nhiệm rà soát người đủ điều kiện giảm thời hạn chấp hành án, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kèm theo tài liệu có liên quan để đề nghị giảm thời hạn chấp hành án.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ và có văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành án đối với người có đủ điều kiện gửi đến Tòa án và Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện lập hồ sơ giảm thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập hồ sơ và có văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành án đối với người có đủ điều kiện gửi đến Tòa án và Viện kiểm sát quân sự khu vực. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện lập hồ sơ giảm thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có văn bản thông báo cho đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án.

3. Hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án bao gồm:

- a) Đơn đề nghị giảm thời hạn chấp hành án của người chấp hành án;
- b) Bản sao bản án. Đối với trường hợp xét giảm thời hạn chấp hành án từ lần thứ hai thì bản sao bản án được thay bằng bản sao quyết định thi hành án;
- c) Văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành án của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án;
- d) Trường hợp người chấp hành án được khen thưởng hoặc lập công thì hồ sơ phải có quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người chấp hành án lập công; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì phải có kết luận của của ***cơ sở khám, chữa bệnh đang điều trị chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ***, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh của họ; tài liệu thể hiện đã thực hiện được một phần nghĩa vụ dân sự;
- đ) Trường hợp người chấp hành án đã được giảm thời hạn chấp hành án thì phải có bản sao quyết định giảm thời hạn chấp hành án;
- e) Tài liệu khác có liên quan.

4. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi người chấp hành án cư trú hoặc làm việc thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc chấp nhận toàn bộ, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đề nghị giảm thời hạn chấp hành án, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi Tòa án ra quyết định cho giảm thời hạn chấp hành án có trụ sở.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đang bị giám sát điện tử mà được giảm toàn bộ thời hạn chấp hành án còn lại thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục họ báo cáo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu biết để kết thúc giám sát điện tử đối với họ.

61. Tại Điều 104 “Thủ tục miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 104 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực nơi người chấp hành án đang cư trú, làm việc, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu xem xét, lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét miễn chấp hành án. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;
- b) Văn bản đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát;
- c) Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự trong trường hợp cơ quan này đề nghị;
- d) Đơn xin miễn chấp hành án của người bị kết án hoặc người đại diện theo quy định của pháp luật;

đ) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người bị kết án đã lập công; kết luận của *cơ sở khám, chữa bệnh đang điều trị chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ*, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh của người bị kết án bị bệnh hiểm nghèo; xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người bị kết án chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Chánh án Tòa án có thẩm quyền thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định miễn chấp hành án. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc miễn chấp hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người bị kết án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án,

cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành án có trụ sở.

Trường hợp người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đang bị giám sát điện tử mà được miễn chấp hành án thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục họ báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu biết để kết thúc giám sát điện tử đối với họ.

62. Tại Điều 105 “Xử lý vi phạm đối với người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 105 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trường hợp người chấp hành án có ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 99 của Luật này thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội lập biên bản về việc vi phạm. Trường hợp đã lập biên bản về việc vi phạm nghĩa vụ 02 lần nhưng người chấp hành án vẫn tiếp tục vi phạm thì Công an cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục tổ chức kiểm điểm người đó; trường hợp người chấp hành án do đơn vị quân đội giám sát, giáo dục thì đơn vị quân đội tổ chức kiểm điểm người đó.

Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ giám sát, giáo dục và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vi phạm nghĩa vụ lần đầu quy định tại Điều 99 Luật này thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục họ báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định thực hiện giám sát điện tử đối với họ.

2. Người chấp hành án đã bị kiểm điểm nhưng tiếp tục có ý không chấp hành nghĩa vụ quy định tại Điều 99 của Luật này thì không được xem xét giảm thời hạn chấp hành án. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự

.Chương VI

THI HÀNH ÁN PHẠT CẤM CƯ TRÚ, QUẢN CHẾ

Mục 1. THI HÀNH ÁN PHẠT CẤM CƯ TRÚ

63. Tại Điều 109 “Quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án phạt cấm cư trú”, cơ bản kế thừa quy định Điều 109 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người chấp hành án phạt cấm cư trú có các quyền sau đây:

a) Khi có lý do chính đáng và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cấm cư trú thì người chấp hành án phạt cấm cư trú được đến địa phương đó; thời gian lưu trú do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến quyết định nhưng mỗi lần không quá 05 ngày;

b) Khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đề nghị miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú theo quy định của Luật này.

2. Người chấp hành án phạt cấm cư trú có các nghĩa vụ sau đây:

a) Không được cư trú ở những nơi đã bị cấm cư trú, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh cam kết của mình trong việc tuân thủ pháp luật;

b1) Cam kết thực hiện giám sát điện tử theo quy định của Luật này.

c) Có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú;

c1) Không được cư trú trên địa bàn cấp xã theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền.

64. Tại Điều 110 “Thủ tục miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại”, cơ bản kế thừa quy định Điều 110 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Khi người chấp hành án phạt cấm cư trú có đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 62 của Bộ luật Hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại, đồng thời sao gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; bản sao quyết định thi hành án;

b) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện;

d) Đơn xin miễn chấp hành án của người bị cấm cư trú;

đ) Tài liệu khác có liên quan.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Chánh án Tòa án có thẩm quyền thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án

đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và nơi người đó bị cấm cư trú, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành án có trụ sở.

3a. Trường hợp người chấp hành án phạt cấm cư trú đang bị giám sát điện tử khi được miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại thì Ủy ban nhân dân cấp xã đang cư trú báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện kết thúc giám sát điện tử đối với họ.

3b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3a Điều này.

65. Tại Điều 111 “Xử lý người chấp hành án phạt cấm cư trú vi phạm nghĩa vụ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 111 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trường hợp người chấp hành án đến lưu trú mà chưa được phép hoặc lưu trú quá thời hạn cho phép thì Trưởng Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, buộc họ rời khỏi địa phương và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú.

2. Trường hợp người chấp hành án phạt cấm cư trú không chấp hành nghĩa vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 109 của Luật này thì không được xem xét miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại.

2a. Trường hợp người đang chấp hành án phạt cấm cư trú vi phạm nghĩa vụ lần đầu quy định tại Điều 109 Luật này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người họ cư trú báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định thực hiện giám sát điện tử đối với họ.

2b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2a Điều này.

MỤC 2. THI HÀNH ÁN PHẠT QUẢN CHẾ

66. Tại Điều 113 “Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án phạt quản chế về cư trú”, cơ bản kế thừa quy định Điều 113 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tiếp nhận người chấp hành án và hồ sơ thi hành án phạt quản chế; tổ chức kiểm soát, giáo dục người chấp hành án; tạo điều kiện để họ lao động, học tập bình thường tại nơi bị quản chế; nhận xét bằng văn bản và lưu hồ sơ theo dõi về quá trình chấp hành án;

b) Triệu tập người chấp hành án để thông báo thi hành bản án, phổ biến quyền và nghĩa vụ và những quy định có liên quan đến việc chấp hành án;

c) Yêu cầu người chấp hành án cam kết và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật; triệu tập người bị quản chế trong trường hợp cần thiết; cấp giấy phép

cho người chấp hành án đi khỏi nơi quản chế theo quy định tại Điều 115 của Luật này;

c1) Giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt quản chế ra khỏi nơi cư trú để làm việc;

d) Định kỳ 03 tháng 01 lần nhận xét quá trình chấp hành án gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện;

đ) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét việc miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại cho người chấp hành án;

e) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án.

2. Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

67. Tại Điều 114 “Quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án phạt quản chế”, cơ bản kế thừa quy định Điều 114 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Người chấp hành án có các quyền sau đây:

a) Sinh sống cùng gia đình tại nơi quản chế;

b) Lựa chọn việc làm thích hợp, trừ những ngành, nghề hoặc công việc mà người chấp hành án không được làm theo quy định của pháp luật; được hưởng thành quả lao động do mình làm ra;

c) Tự do đi lại trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi quản chế;

d) Được xét miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại theo quy định tại Điều 117 của Luật này.

2. Người chấp hành án có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chịu sự kiểm soát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã và nhân dân địa phương; không được tự ý rời khỏi nơi quản chế;

a1) Cam kết thực hiện giám sát điện tử theo quy định của Luật này.

b) Mỗi tháng một lần vào tuần đầu của tháng, trình diện và báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế việc chấp hành quy định về quản chế;

c) Có mặt tại địa điểm quy định khi Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập, nếu vắng mặt phải có lý do chính đáng;

c2) Chỉ được cư trú trên địa bàn cấp xã theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại Điều 115 Luật này;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật và quy định của chính quyền địa phương; tích cực lao động, học tập, cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội;

đ) Trường hợp được phép đi khỏi nơi quản chế, người chấp hành án phạt quản chế phải khai báo tạm vắng; trình diện, xuất trình giấy phép, làm thủ tục đăng ký tạm trú, lưu trú với Công an cấp xã nơi đến theo quy định; trở về nơi quản chế đúng thời hạn và trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã.

68. Tại Điều 115 “Giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt quản chế đi khỏi nơi quản chế”, cơ bản kế thừa quy định Điều 115 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trường hợp có lý do chính đáng, người chấp hành án có thể được cấp giấy phép đi khỏi nơi quản chế. Thẩm quyền cấp giấy phép như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế cấp giấy phép đi lại trong phạm vi cấp huyện nơi quản chế;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy phép đi lại trong phạm vi cấp tỉnh nơi quản chế;

c) Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cấp giấy phép đi ra ngoài phạm vi cấp tỉnh nơi quản chế.

2. Thời hạn người chấp hành án được phép đi khỏi nơi quản chế do người có thẩm quyền cấp giấy phép quyết định, nhưng mỗi lần không quá 10 ngày. Trường hợp người chấp hành án phải đi chữa bệnh thì thời gian đi khỏi nơi quản chế theo thời gian điều trị của cơ sở chữa bệnh.

2a. Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế đang bị giám sát điện tử khi được đi khỏi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đang chấp hành án phải báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện biết để phân công giám sát điện tử khi họ đi khỏi nơi cư trú cho cơ quan, đơn vị mà những nơi người đó đến cư trú.

2b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2a Điều này.

69. Bổ sung 01 Điều mới so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Điều 115a. Giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt quản chế có nguyện vọng làm việc ngoài nơi cư trú

1. Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế có nguyện vọng lựa chọn việc làm ngoài nơi cư trú thì phải xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Người chấp hành án phạt quản chế có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý về kế hoạch lao động, hợp đồng lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người đó làm việc.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý đồng ý về việc cho người chấp hành án phạt quản chế làm việc ngoài nơi cư trú thì người chấp hành án phạt quản

ché phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến làm việc; khi kết thúc hợp đồng lao động phải có xác nhận Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã tại nơi mình làm việc.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người chấp hành án phạt quản chế phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc giải quyết cho người chấp hành án phạt quản chế ra khỏi nơi cư trú để làm việc.

5. Người chấp hành án phạt quản chế trong thời gian làm việc tại nơi cư trú phải chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình. Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế vi phạm pháp luật tại nơi làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến làm việc phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người này để phối hợp giải quyết.

70. Tại Điều 116 “Xử lý người chấp hành án phạt quản chế vi phạm nghĩa vụ”, cơ bản kế thừa quy định Điều 116 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Trường hợp người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm nghĩa vụ, lưu hồ sơ thi hành án.

2. Người chấp hành án phạt quản chế đi khỏi nơi quản chế mà không có giấy phép hoặc vi phạm quy định ghi trong giấy phép nếu không có lý do chính đáng thì thời gian này không được tính vào thời hạn chấp hành án phạt quản chế.

Người chấp hành án phạt quản chế vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2a. Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế vi phạm nghĩa vụ lần đầu quy định tại Điều 114 Luật này thì Công an cấp xã nơi họ cư trú báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định thực hiện giám sát điện tử đối với họ.

2b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2a Điều này.

71. Tại Điều 117 “Thủ tục miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại”, cơ bản kế thừa quy định Điều 117 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Khi người chấp hành án phạt quản chế có đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 62 của Bộ luật Hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại, đồng thời gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; bản sao quyết định thi hành án phạt tù;

b) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế;

- c) Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện;
- d) Đơn xin miễn chấp hành án của người chấp hành án phạt quản chế;
- đ) Tài liệu khác có liên quan.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Chánh án Tòa án có thẩm quyền thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành án có trụ sở.

3a. Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế đang bị giám sát điện tử khi được miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ đang cư trú báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện kết thúc giám sát điện tử đối với họ.

3b. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3a Điều này.

Chương X

THI HÀNH BIỆN PHÁP TƯ PHÁP

Mục 3. THI HÀNH BIỆN PHÁP TƯ PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

72. Tại Điều 153 “Chế độ gặp thân nhân, liên lạc, nhận quà của học sinh trường giáo dưỡng”, cơ bản kế thừa quy định Điều 153 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Học sinh được gặp thân nhân không quá 03 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 03 giờ. Căn cứ kết quả kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Hiệu trưởng quyết định kéo dài thời gian gặp nhưng không quá 24 giờ. Học sinh được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

1a. Học sinh được liên lạc bằng điện thoại trong nước với thân nhân không quá 04 lần trong 01 tháng, mỗi lần không quá 10 phút, có sự giám sát của cán bộ trại giam và tự chịu chi phí.

2. Học sinh được gửi và nhận thư, nhận quà là tiền, đồ vật, trù rượu, bia, thuốc lá, các chất kích thích khác, đồ vật và các loại văn hóa phẩm thuộc danh mục cấm. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm kiểm tra thư, quà trước khi học sinh gửi hoặc nhận. Học sinh có tiền hoặc giấy tờ có giá thì phải gửi trường giáo dưỡng để quản lý và sử dụng theo quy định của trường giáo dưỡng.

Chương XIII

BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CHO HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

73. Tại Điều 173 “Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự”, cơ bản kế thừa quy định Điều 173 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự do Bộ Công an quản lý là một bộ phận của hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin phòng, chống tội phạm nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành án hình sự, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

1a. Cơ sở dữ liệu thi hành án hình sự bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về công tác thi hành án hình sự là tập hợp thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự và thông tin khác có liên quan đến người, pháp nhân thương mại chấp hành bản án, quyết định của Tòa án về các hình phạt và biện pháp tư pháp;

b) Cơ sở dữ liệu công tác tái hòa nhập cộng đồng quản lý thông tin về tái hòa nhập cộng đồng phục vụ công tác quản lý nhà nước về tái hòa nhập cộng đồng.

2. Việc xây dựng, thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự do Chính phủ quy định.

Chương XV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

74. Tại Điều 195 “Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công an trong quản lý công tác thi hành án hình sự”, cơ bản kế thừa quy định Điều 195 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về thi hành án hình sự và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án hình sự; phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan khác có liên quan trong việc ban hành thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án hình sự;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch về thi hành án hình sự; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án hình sự;

c) Đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ những quy định về thi hành án hình sự trái với quy định của Luật này;

d) Ban hành các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về thi hành án hình sự;

đ) Phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án hình sự;

e) Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự trong Công an nhân dân; quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thi hành án hình sự trong Công an nhân dân theo quy định của Luật này; đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân Công an trong thi hành án hình sự; bồi dưỡng, huấn luyện, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, nhân viên cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự;

g) Chỉ đạo việc truy bắt người chấp hành án bỏ trốn; áp giải người có quyết định thi hành án hình sự để thi hành án; giải tán, tạm giữ người có hành vi cản trở, chống đối việc thi hành án; phối hợp với đơn vị vũ trang nhân dân khác và chính quyền địa phương để chủ động triển khai lực lượng hỗ trợ thi hành án hình sự trong trường hợp cần thiết; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này;

h) Kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm trong công tác thi hành án hình sự; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án hình sự theo quy định của Luật này;

i) Quyết định kế hoạch phân bổ kinh phí, bảo đảm điều kiện cho hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự;

k) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thi hành án hình sự;

l) Tổng kết công tác thi hành án hình sự;

m) Ban hành và thực hiện chế độ thông kê về thi hành án hình sự;

n) Báo cáo Chính phủ về công tác thi hành án hình sự;

o) Triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động mô hình cơ sở giam giữ phạm nhân; xây dựng mẫu thiết kế mô hình cơ sở giam giữ phạm nhân; ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng các hạng mục công trình trại giam, hệ thống kiểm soát an ninh và các hệ thống khác phục vụ quản lý cơ sở giam giữ của trại giam; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin gắn với Cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ yêu cầu quản lý người bị tạm giữ, tạm giam để quyết định đưa người chấp hành án phạt tù có thời hạn từ 05 năm trở xuống không phải là người dưới 18 tuổi, người nước ngoài, người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hoặc nghiện ma túy để phục vụ việc tạm giữ, tạm giam. Số lượng người chấp hành án phạt tù phục vụ việc tạm giữ, tạm giam được tính theo tỷ lệ trên tổng số người bị tạm giữ, tạm giam nhưng không vượt quá 15%.

75. Tại Điều 196 “Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng trong quản lý công tác thi hành án hình sự”, cơ bản kế thừa quy định Điều 196 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý công tác thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân; phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan khác có liên quan trong việc ban hành thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án hình sự;

b) Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân; quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân theo quy định của Luật này;

c) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp trong việc xây dựng chương trình giáo dục pháp luật, giáo dục công dân; phối hợp với Bộ Công an trong việc tổng kết, thống kê, báo cáo Chính phủ về công tác thi hành án hình sự;

d) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ thi hành án hình sự cho cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu; phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân;

đ) Khen thưởng, kỷ luật đối với quân nhân làm công tác thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân;

e) Chỉ đạo việc truy bắt người chấp hành án bỏ trốn; áp giải người có quyết định thi hành án hình sự để thi hành án; giải tán, tạm giữ người có hành vi cản trở, chống đối việc thi hành án; phối hợp với đơn vị vũ trang nhân dân khác và chính quyền địa phương để chủ động triển khai lực lượng hỗ trợ thi hành án hình sự trong trường hợp cần thiết; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này;

g) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân theo quy định của Luật này;

h) Quản lý, lập kế hoạch phân bổ kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân;

i) Triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động cơ sở giam giữ phạm nhân.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng căn cứ yêu cầu quản lý người bị tạm giữ, tạm giam trong các cơ sở giam giữ của Bộ Quốc phòng để quyết định đưa người chấp hành án phạt tù có thời hạn từ 5 năm trở xuống không phải là người dưới 18 tuổi, người nước ngoài, người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hoặc nghiện ma túy để phục vụ việc tạm giữ, tạm giam. Số lượng người chấp hành án phạt tù tại trại tạm giam được tính theo tỷ lệ trên tổng số người bị tạm giữ, tạm giam nhưng không vượt quá 15%.

Chương XVI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

76. Tại Điều 206 “Hiệu lực thi hành”, cơ bản kế thừa quy định Điều 206 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

1. *Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày....., đối với quy định về giám sát điện tử có hiệu lực thi hành kể từ ngày*

2. Luật Thi hành án hình sự số hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 207 của Luật này.

77. Tại Điều 207 “Quy định chuyển tiếp”, cơ bản kế thừa quy định Điều 207 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và bổ sung các quy định sau:

Đối với việc thực hiện giám sát điện tử đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hưởng án treo, người án phạt cải tạo không giam giữ, người chấp hành án phạt cấm cư trú, người chấp hành án phạt quản chế kể từ khi các quy định về giám sát điện tử có hiệu lực thi hành cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu căn cứ về số lần vi phạm nghĩa vụ của họ để quyết định việc thực hiện giám sát điện tử.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam....., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn